**Mục lục**

# PHỤ LỤC 1: Chương trình đào tạo trình độ đại học (Mẫu 01)

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

#### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: **KINH TẾ**

MÃ SỐ: **7310101**

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

* Tên ngành đào tạo: Kinh tế

 + Tiếng Việt: Kinh tế

 + Tiếng Anh: Economics

* Mã số ngành đào tạo: 7310101
* Trình độ đào tạo: Cử nhân
* Loại hình đào tạo: Chính quy
* Thời gian đào tạo: 4 năm
* Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

 + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kinh tế

 + Tiếng Anh: Bachelor of Economics

* Đơn vị đào tạo: Khoa Quản lý - Học viện Quản lý giáo dục

**2. Mục tiêu chương trình đào tạo**

***2.1. Mục tiêu chung***

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong việc cung cấp nguồn nhân lực chuyên môn và trình độ cao ở bậc đại học. Những sinh viên tốt nghiệp từ chương trình này sẽ có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt và có trách nhiệm với xã hội. Họ sẽ nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội và quản lý, có năng lực chuyên môn cao trong lĩnh vực kinh tế. Đồng thời, họ cũng sẽ có khả năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá các chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế trong nhiều lĩnh vực và cấp độ khác nhau của nền kinh tế quốc dân. Chương trình cũng trang bị cho họ khả năng tự cập nhật, bổ sung kiến thức và không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc.

***2.2. Mục tiêu cụ thể***

* *Về kiến thức*

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế với các hướng chuyên môn sâu (i) Kinh tế và Đầu tư; (ii) Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực; và (iii) Kinh tế và Tài chính công nhằm trang bị cho người học nền tàng kiến thức vững chắc về kinh tế học, quản trị và các lĩnh vực kinh tế liên quan; có khả năng vận dụng các kiến thức để phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế, chính sách, dự án trong thực tiễn. Bên cạnh đó, thông qua các định hướng chuyên môn sâu, sinh viên có những kiến thức chuyên biệt để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động trong các lĩnh vực đầu tư, quản lý nguồn nhân lực, tài chính công.

* *Về kỹ năng*

Hình thành và rèn luyện cho người học các kỹ năng và tác phong làm việc chuyên nghiệp, linh hoạt, khả năng thích ứng nhanh với công việc và sự thay đổi trong môi trường làm việc, cụ thể:

* Kỹ năng phân tích kinh tế
* Kỹ năng quản lý và lãnh đạo
* Kỹ năng phân tích tài chính và đầu tư
* Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình
* Kỹ năng phản biện và giải quyết vấn đề
* Kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác
* Kỹ năng công nghệ thông tin
* Kỹ năng thích ứng và học tập suốt đời
* *Về thái độ*

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế hình thành cho người học thái độ sống tích cực, lành mạnh, lập trường tư tưởng vững vàng; có ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, cơ quan, xã hội; có thái độ đúng đắn về công việc sẽ đảm nhận sau khi ra trường. Trong quá trình học tập và nghiên cứu, sinh viên được giáo dục để trở thành những người làm kinh tế có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, học hỏi suốt đời để không ngừng nâng cao năng lực bản thân để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc và xã hội, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của đất nước; hình thành thái độ và tác phong làm việc “ Trách nhiệm – chuyên nghiệp – Hợp tác” trong công việc cũng như trong cuộc sống.

**3. Thông tin tuyển sinh**

***3.1. Hình thức tuyển sinh***

Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Đề án tuyển sinh của Học viện Quản lý giáo dục được công bố hàng năm.

***3.2. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh***

Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Đề án tuyển sinh của Học viện Quản lý giáo dục được công bố hàng năm.

***3.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh***

Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Đề án tuyển sinh của Học viện Quản lý giáo dục được công bố hàng năm.

**PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

***1.1. Kiến thức chung***

* KT1. Trình bày và khái quát được những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật của Nhà nước; an ninh quốc phòng;
* KT2.  Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng được trang bị từ phần Khối kiến thức chung để học các học phần thuộc khối kiến thức theo lĩnh vực, khối kiến thức của nhóm ngành và tính toán/giải quyết các vấn đề lý luận và thực tế của ngành kinh tế

***1.2. Kiến thức theo lĩnh vực***

* KT3. Xác định và vận dụng phù hợp các lý thuyết khoa học xã hội và hành vi và mô hình toán kinh tế, các phương pháp nghiên cứu định tính và tính toán định lượng, thống kê để xem xét và giải quyết một vấn đề kinh tế, tài chính công, một dự án đầu tư hay xây dựng và thực hiện một kế hoạch phát triển nguồn nhân lực.

***1.3 Kiến thức ngành***

* KT4. Hệ thống hoá được các lý thuyết và mô hình kinh tế liên quan đến các chính sách vĩ mô của Chính phủ, quyết định của doanh nghiệp và hành vi của hộ gia đình; Áp dụng các lý thuyết và mô hình để phân tích và giải thích các vấn đề kinh tế và đầu tư trong thực tiễn; Có thể tham gia vào quá trình phân tích và quản lý dự án đầu tư; Có khả năng đóng góp ý kiến và đề xuất các giải pháp đầu tư, phát triển và cạnh tranh ở cấp doanh nghiệp, và có thể tham gia vào các cuộc thảo luận về chiến lược phát triển ở cấp ngành và quốc gia.
* KT5. Hệ thống hóa được các kiến thức về Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực; Áp dụng sáng tạo các lý thuyết và mô hình quản quản lý nguồn nhân lực để phân tích nhu cầu nhân lực trong các bối cảnh kinh tế khác nhau; Có thể tham gia xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đánh giá hiệu quả của các chính sách quản lý nhân sự; Có khả năng đề xuất và hỗ trợ triển khai các giải pháp quản lý nguồn nhân lực hiệu quả trong môi trường doanh nghiệp hoặc tổ chức, môi trường ngành hoặc trong môi trường kinh tế vĩ mô.
* KT6. Hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản về quản lý công và tài chính công; Phân tích được mối liên hệ giữa lý luận và thực tiễn trong quản lý nhà nước về kinh tế, quản lý tài chính trong nền kinh tế thị trường; Đánh gía được cấu trúc và cơ chế vận hành của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường; Tham gia nghiên cứu, hỗ trợ phân tích và đánh giá chính sách hiện hành, đóng góp ý kiến đề xuất cải tiến chính sách tài chính công nhằm góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế.

***1.4. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp***

* KT7. Trình bày khái quát được các chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu về kiến thức, phẩm chất, kỹ năng đối với đơn vị thực tập và vị trí việc làm thực tập/ hoặc Xác định được chủ đề nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp phù hợp với ngành kinh tế và hướng chuyên môn sâu đã lựa chọn.
* KT8. Vận dụng các kiến thức ngành đã được trang bị để mô tả và phân tích được các công việc của vị trí việc làm thực tập/ hoặc Phân tích, đánh giá được thực trạng của vấn đề nghiên cứu, xác định được những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân.
* KT9. Đề xuất được các sáng kiến, giải pháp để giải quyết hiệu quả những vấn đề thực tiễn phát sinh trong công việc của vị trí việc làm thực tập/ hoặc khắc phục những hạn chế và phát huy những ưu điểm đối với vấn đề nghiên cứu.
* KT10. Liên hệ để rút ra được những bài học kinh nghiệm đối với cá nhân trong học tập, rèn luyện/ hoặc đưa ra được các khuyến nghị đối với các bên liên quan nhằm đảm bảo các điều kiện cho việc thực hiện hiệu quả các giải pháp được đề xuất đối với vấn đề nghiên cứu.

**2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng/năng lực**

***2.1. Kĩ năng chuyên môn***

*2.1.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

* Nhóm kỹ năng về Kinh tế và Đầu tư:
* KN1. Kỹ năng lập dự án đầu tư; phân tích, thẩm định, đánh giá dự án đầu tư
* KN2. Kỹ năng phân tích thị trường
* Nhóm kỹ năng về Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực:
* KN3. Kỹ năng quản lý và phát triển nguồn nhân lực
* KN4. Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực lao động
* Nhóm kỹ năng về Kinh tế và Tài chính công:
* KN5. Kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính vĩ mô
* KN6. Kỹ năng quản lý và phân tích tài chính

*2.1.2. Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề*

* KN7. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát hóa vấn đề; Có phương pháp tư duy kinh tế, vận dụng quan điểm khác nhau vào phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế, khái quát và nhận định được vấn đề trọng tâm, cốt lõi để từ đó đưa ra những giải pháp hữu hiệu cho các vấn đề kinh tế.

*2.1.3. Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*

* KN8. Sử dụng các phương pháp phân tích định tính, định lượng và lựa chọn mô hình nghiên cứu phù hợp cho các vấn đề kinh tế của tổ chức, doanh nghiệp ngành hay quốc gia
* KN9. Sử dụng thành thạo các công cụ phân tích thống kê (Eviews/ SPSS/ Excel,...) để nghiên cứu, phân tích các hiện tượng kinh tế - xã hội trong thực tiễn đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, quản lý tài chính công

*2.1.4. Kỹ năng tư duy theo hệ thống*

* KN10. Có kỹ năng tư duy theo hệ thống và liên kết các mối quan hệ tương tác lẫn nhau giữa các thành tố trong hệ thống để xem xét và giải quyết các vấn đề kinh tế

*2.1.5. Kỹ năng phân tích bối cảnh xã hội và ngoại cảnh*

* KN11. Tổng hợp được các thông tin về xu thế phát triển của xã hội và thị trường, từ đó phân tích và nhận định được các cơ hội và thách thức mà môi trường bên ngoài tổ chức mang lại

*2.1.6. Kỹ năng phân tích bối cảnh tổ chức*

* KN12. Thu thập thông tin đầy đủ và khách quan về môi trường bên trong tổ chức, từ đó đưa ra những nhận định khách quan về điểm mạnh và điểm yếu nội tại của tổ chức và nguyên nhân của chúng

*2.1.7. Khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn*

* KN13. Vận dụng được các kiển thức, kĩ năng được trang bị trong các học phần thuộc chương trình đào tạo để đánh giá thực trạng, phân tích bối cảnh và đề xuất giải pháp giải quyết những vấn đề kinh tế phát sinh trong thực tiễn hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp, ngành hoặc quốc gia.

*2.1.8. Khả năng sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp*

* KN14. Có kỹ năng quản lý sự thay đổi, học tập suốt đời, kĩ năng tự nhận thức và tự điều chỉnh, năng lực dẫn dắt và ảnh hưởng về chuyên môn trong các lĩnh vực chuyên sâu đã được đào tạo; đổi mới, sáng tạo trong thực hiện các công việc được giao;

***2.2. Kĩ năng bổ trợ***

*2.2.1. Kỹ năng cá nhân*

* KN15. Có kỹ năng làm việc độc lập và học tập suốt đời, tự điều chỉnh để ngày một hoàn thiện hơn

*2.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm*

* KN16. Phối hợp hiệu quả với các thành viên trong nhóm để triển khai nhiệm vụ được giao

*2.2.3. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo*

* KN17. Dự báo, lập kế hoạch, tổ chức, hoạch định, kiểm soát, tạo động lực

*2.2.4. Kỹ năng giao tiếp*

* KN18. Giao tiếp hiệu quả và có khả năng thuyết phục, thương lượng, đàm phán tốt

*2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

* KN19. Sử dụng được tiếng Anh để giao tiếp trong công việc với mức tương đương trình độ B1 theo khung châu Âu

*2.2.6. Các kỹ năng bổ trợ khác*

* KN20. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng cơ bản (có chứng chỉ chuẩn công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin truyền thông); Sử dụng hiệu quả các phần mềm và công cụ phân tích dữ liệu phổ biến trong lĩnh vực kinh tế, hỗ trợ cho việc nghiên cứu và ra quyết định; có khả năng thích ứng với công nghệ mới trong các lĩnh vực kinh tế và tài chính bao gồm việc sử dụng cơ bản các nền tảng thương mại điện tử, áp dựng trí tuệ nhân tạo trong phân tích và đánh giá các vấn đề kinh tế.

**3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức**

*3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân*

* PC1. Nghiêm túc, chăm chỉ, nhiệt tình.
* PC2. Tự chủ, kiên trì, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, rủi ro.

*3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp*

* PC3. Có trách nhiệm trong công việc
* PC4. Có hành vi chuyên nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ
* PC5. Có tính chủ động trong công việc
* PC6. Độc lập và sáng tạo.

*3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội*

* PC7. Có trách nhiệm với cộng đồng.
* PC8. Biết tuân thủ pháp luật
* PC9. Biết bảo vệ chân lí, ủng hộ đổi mới tiến bộ.

**4. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Kinh tế có đạo đức nghề nghiệp vững vàng và tuân thủ pháp luật trong mọi hoạt động kinh tế, đồng thời áp dụng hiệu quả các nguyên tắc tổ chức và kỷ luật trong môi trường làm việc chuyên nghiệp. Họ sẽ có khả năng phân tích và đánh giá các vấn đề kinh tế phức tạp, đề xuất giải pháp sáng tạo, và triển khai các sáng kiến để cải thiện hiệu quả công việc; Có kỹ năng lãnh đạo thông qua việc lập kế hoạch, điều phối hoạt động chuyên môn, và phát huy trí tuệ tập thể trong quá trình ra quyết định; Có khả năng thích nghi nhanh chóng với các môi trường làm việc đa dạng, liên tục học hỏi và cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn; Có khả năng hướng dẫn và hỗ trợ đồng nghiệp trong các vấn đề chuyên môn; Có năng lực học tập suốt đời để liên tục cập nhật kiến thức và kỹ năng mới, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành nghề và xã hội.

**5. Vị trí việc làm sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, các cử nhân ngành Kinh tế có thể làm việc tại các vị trí sau:

* Cán bộ quản lý, chuyên viên, nhân viên tại: (1) Các cơ quan, tổ chức tư vấn, hoạch định và thực thi các chính sách về kinh tế, đầu tư, quản lý nguồn nhân lực và tài chính công của Đảng, Chính phủ, các Bộ, các địa phương; (2) Các công ty nghiên cứu, tư vấn kinh tế độc lập; (3) Các ngân hàng, công ty tài chính, chứng khoán; (4) Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ, các dự án liên quan đến các vấn đề kinh tế - xã hội, quản lý nguồn nhân lực, tài chính công; (5) Các doanh nghiệp.
* Giảng viên, nghiên cứu viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc khối kinh tế; các viện nghiên cứu kinh tế, xã hội.
* Khởi nghiệp, tự thành lập doanh nghiệp theo qui định của pháp luật.
* Chuyên gia kinh tế độc lập.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Các cử nhân ngành Kinh tế có đủ năng lực để học tập suốt đời, tự học hoặc tham gia các khóa đào tạo ở trình độ thạc sỹ, tiến sỹ ngành Kinh tế hoặc ngành khác phù hợp với vị trí việc làm và nhu cầu phát triển của bản thân.

**PHẦN III: CẤU TRÚC, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

**Tổng số tín chỉ phải tích lũy:** 129 tín chỉ *(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)*

* ***Khối kiến thức chung***: 23 tín chỉ
* ***Khối kiến thức theo lĩnh vực***: 9 tín chỉ

+ Bắt buộc: 6 tín chỉ

+ Tự chọn: 3 tín chỉ

* ***Khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức ngành***: 84 tín chỉ

+ Bắt buộc: 66 tín chỉ

+ Tự chọn: 18 tín chỉ

* ***Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp***

+ Kiến thức thực tập: 07 tín chỉ

+ Kiến thức tốt nghiệp: 06 tín chỉ (trong đó, sinh viên có thể lựa chọn Khoá luận tốt nghiệp hoặc 02 Học phần thay thế Khoá luận tốt nghiệp)

**3.2. Chương trình đào tạo\_KT 110225**

| **Số****TT** | **Mã số** | **Học phần** | **Số tín chỉ** | **Số giờ tín chỉ** | **Mã số các học phần tiên quyết** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Lý thuyết*** | ***Thực hành/ Thảo luận*** | ***Tự học*** |
| **A** |  | **Khối kiến thức giáo dục đại cương** | **32** |  |  |  |  |
| **I** |   | **Phần kiến thức chung** | **23** |  |  |  |  |
| 1 | FOS7001 | Triết học Mác – Lê nin*Marxist-Leninist philosophy* | 3 | 42 | 3 |  |  |
| 2 | FOS7002 | Kinh tế chính trị Mác – Lê nin*Marxist-Leninist political economy* | 2 | 26 | 4 |  | FOS001 |
| 3 | FOS7003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học*Science socialism* | 2 | 26 | 4 |  | FOS002 |
| 4 | FOS7004 | Tư tưởng Hồ Chí Minh*Ho Chi Minh Ideology* | 2 | 26 | 4 |  | FOS003 |
| 5 | FOS7005 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*History of the Communist Party of Vietnam* | 2 | 26 | 4 |  | FOS7004 |
| 6 | FLA7001 | Tiếng Anh 1General English 1 | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 7 | FLA7002 | Tiếng Anh 2General English 2 | 3 | 36 | 6 | 3 | FLA7001 |
| 8 | MAG7001 | Pháp luật đại cương*Foundation of Laws* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 9 | ITC7001 | Tin học cơ sở*Basic Informatics* | 3 | 33 | 9 | 3 |  |
| 10 | FOS7006 | Giáo dục thể chất*Physical Education* | 4 | - | - | - |  |
| 11 |  | Giáo dục quốc phòng – An ninh*Defense – Security Education* | 8 | - | - | - |  |
| **II** |  | **Khối kiến thức theo lĩnh vực** | **9** |  |  |  |  |
| ***II.1*** |  | ***Các học phần bắt buộc*** | **6** |  |  |  |  |
| 12 | MAG7002 | Thống kê trong khoa học xã hội*Statistics in Social Sciences* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 13 | PSE7001 | Phương pháp nghiên cứu khoa học*Research Methodology* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| ***II.2*** |  | ***Các học phần tự chọn*** | **3/9** |  |  |  |  |
| 14 | MAG7063 | Lịch sử kinh tế quốc dân*History of National Economies* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 15 | PSE7005 | Tâm lý học quản lý*Psychology of Management* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 16 | MAG7064 | Kinh tế học giáo dục*Economics of Education* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| **B** |  | **Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** | **97** |  |  |  |  |
| **I** |  | **Phần kiến thức cơ sở ngành** | **27** |  |  |  |  |
| ***I.1*** |  | ***Các học phần bắt buộc*** | ***21*** |  |  |  |  |
| 17 | ITC7004 | Toán cho các nhà kinh tế*Mathematics for economists* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 18 | MAG7065 | Pháp luật kinh tế*Economic law* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 19 | MAG7066 | Nguyên lý thống kê kinh tế*Theory of economic statistics* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 20 | MAG7013 | Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội*State management in Social Economic* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 21 | MAG7010 | Nguyên lý kế toán*Principles of Accounting* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 22 | MAG7003 | Quản trị học*Principles of Management* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 23 | MAG7067 | Lý thuyết tài chính tiền tệ*Monetary and Financial Theories* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| ***I.2*** |  | ***Các học phần tự chọn*** | **6/9** |  |  |  |  |
| 24 | MAG7068 | Văn hóa kinh doanh*Business culture* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 25 | MAG7069 | Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh*Negotiation skills in business* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 26 | MAG7070 | Lịch sử học thuyết kinh tế *History of Economic Theory* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| **II** |  | **Phần kiến thức ngành** | **57** |  |  |  |  |
| ***II.1*** |  | ***Các học phần bắt buộc*** | **45** |  |  |  |  |
| 27 | MAG7071 | Kinh tế quốc tế*International Economics* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 28 | MAG7072 | Kinh tế vĩ mô 1*Macroeconomics 1* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 29 | MAG7073 | Kinh tế vi mô 1*Microeconomics 1* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 30 | MAG7074 | Kinh tế vĩ mô 2*Macroeconomics2* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 31 | MAG7075 | Kinh tế vi mô 2*Microeconomics 2* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 32 | MAG7020 | Quản trị nhân lực*Human Resource Management* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 33 | MAG7076 | Kinh tế học công cộng*Public economics* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 34 | MAG7005 | Khoa học dự báo*Science of Forecast* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 35 | MAG7077 | Kinh tế lượng*Econometrics* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 36 | MAG7078 | Kinh tế đầu tư*Investment economics* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 37 | MAG7079 | Tài chính công*Public Finance* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 38 | FLA7003 | Tiếng anh chuyên ngành kinh tế*Business English* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 39 | MAG7080 | Kinh tế phát triển*Development Economics* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 40 | MAG7009 | Marketing căn bản*Principles of Marketing* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 41 | MAG7081 | Quản trị chiến lược*Strategic management* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| ***II.2*** |  | ***Các học phần tự chọn (sinh viên chọn theo nhóm học phần chuyên môn của ngành sau)*** | **12/36** |  |  |  |  |
| 42 | MAG7082 | Thị trường chứng khoán*Stock market* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 43 | MAG7083 | Thương mại điện tử*Ecommerce* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 44 | MAG7084 | Khởi sự kinh doanh*Bussiness startup* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 45 | MAG7085 | Marketing giáo dục*Educational Marketing* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 46 | MAG7086 | Tuyển dụng nhân lực*Human Resource Recruitment* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 47 | MAG7030 | Quan hệ công chúng*Publics Relations* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 48 | PSE7004 | Xã hội học đại cương*Sociology* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 49 | MAG7046 | Luật lao động*The Labor Code* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 50 | MAG7087 | Quản lý chi tiêu công*Public Expenditure Management* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 51 | MAG7088 | Thuế*Taxation* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 52 | MAG7028 | Quản trị dự án*Project management* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 53 | MAG7089 | Kiểm toán căn bản*Fundamentals of Auditing* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| **III** |  | **Phần kiến thức thực tập nghiệp vụ** | **7** |  |  |  |  |
| 54 | MAG7090 | Thực tập 1*Practicum 1* | *3* | 3 | 108 | 6 |  |
| 55 | MAG7091 | Thực tập 2*Practicum 2* | *4* | 3 | 144 | 9 |  |
| **IV** |  | **Phần khóa luận hoặc tương đương 2 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp** | **6** |  |  |  |  |
| **Lựa chọn 1** |  |  |  |  |  |
| 56 | MAG7092 | Khóa luận *Graduation Research paper* | **6** |  |  |  |  |
| **Lựa chọn 2** |  |  |  |  |  |
| 57 | MAG7093 | Kinh tế học bền vững*Sustainable economics* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 58 | MAG7094 | Phân tích chi phí – lợi ích*Cost-Benefit Analysis* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| **TỔNG SỐ** | **129** |  |  |  |  |

**3.3. Tóm tắt nội dung học phần**

***1. FOS7001, Triết học Mác – Lê nin (3 tín chỉ)***

Học phần Triết học Mác – Lênin (dành cho hệ không chuyên lý luận chính trị) giúp sinh viên tìm hiểu các nội dung khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Hệ thống quan điểm triết học Mác – Lênin tập trung vào hai nội dung cơ bản là: thứ nhất, quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức; thứ hai là quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người. Thông qua việc học tập môn học, sinh viên được hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật; sinh viên biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo; đồng thời biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

***2. FOS7002, Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 tín chỉ)***

Học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin đi sâu vào việc tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, từ khởi đầu với sự tích lũy nguyên thủy tư bản cho đến các giai đoạn phát triển cao hơn. Nó cũng phân tích các mâu thuẫn cơ bản của tư bản chủ nghĩa như mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, và cách mà những mâu thuẫn này dẫn đến khủng hoảng kinh tế. Ngoài ra, học phần còn nghiên cứu về lý luận giá trị thặng dư của Karl Marx, một yếu tố quan trọng để hiểu rõ sự bóc lột lao động trong xã hội tư bản. Học phần cũng trình bày về các hình thức biểu hiện cụ thể của giá trị thặng dư như lợi nhuận, lợi tức, và địa tô, đồng thời nghiên cứu về quá trình tích lũy tư bản và sự tập trung, tập trung hóa tư bản. Qua đó, sinh viên hiểu rõ hơn về cơ chế hoạt động của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và những hạn chế, mâu thuẫn nội tại của nó. Từ những lý luận cả chủ nghĩa Mác – Lênin về kinh tế chính trị, học phần đã đề cập đến kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để thể hiện sự vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Điều này giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện về sự chuyển đổi từ tư bản chủ nghĩa sang xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của Mác-Lênin.

***3. FOS7003, Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)***

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là một phần cốt lõi trong hệ thống lý luận Mác-Lênin, tập trung vào nghiên cứu về sự ra đời, bản chất, và phát triển của chủ nghĩa xã hội cũng như quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Nội dung học phần này bao gồm việc phân tích các tiền đề lịch sử và kinh tế-xã hội dẫn đến sự xuất hiện của chủ nghĩa xã hội, cùng với các đặc điểm cơ bản và mục tiêu của xã hội xã hội chủ nghĩa. Học phần cũng tập trung vào vai trò của giai cấp công nhân và các lực lượng cách mạng trong việc xây dựng xã hội mới. Nó nghiên cứu về quá trình tổ chức và đấu tranh của giai cấp công nhân, từ việc hình thành các tổ chức chính trị đến việc thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, nhằm đạt được mục tiêu xây dựng một xã hội không còn giai cấp, nơi mà sản xuất được thực hiện vì nhu cầu của toàn xã hội chứ không phải vì lợi nhuận cá nhân. Bên cạnh đó, học phần còn đề cập đến các vấn đề của chủ nghĩa xã hội như: dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, phát triển gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Những nội dung này giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức về bản chất, mục tiêu, và con đường phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học

***4. FOS7004, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)***

 Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo, tập trung vào việc nghiên cứu và phân tích hệ thống quan điểm, lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam. Nội dung của học phần này bao gồm các khía cạnh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và đạo đức. Một trong những nội dung cốt lõi là tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Học phần cũng tập trung vào quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Đây là vấn đề chiến lược, có ý nghĩa quan trọng, quyết định sự thành bại của cách mạng. Học phần còn cũng phân tích những quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm hướng đến mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thông qua học phần này, sinh viên không chỉ nắm vững các nội dung tư tưởng của Hồ Chí Minh mà còn hiểu rõ hơn về con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, từ đó vận dụng sáng tạo vào thực tiễn công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

***5. FOS7005, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)***

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cái nhìn tổng thể về quá trình hình thành, phát triển và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Nội dung học phần này bao gồm việc nghiên cứu khái quát các giai đoạn lịch sử của Đảng, từ khi thành lập đến đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, cùng với các sự kiện, chính sách, và phong trào cách mạng quan trọng. Nội dung học phần trang bị cho người học hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử của Đảng và những kiến thức cơ bản cốt lõi; hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 -1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh dành chính quyền (1930 -1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước (1945 -1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới(1975 -2018). Trong mỗi giai đoạn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đều tổng kết những thành tựu đã đạt được, những hạn chế cần khắc phục, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm. Qua học phần này, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn về vai trò lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam, những bài học kinh nghiệm và sự cần thiết của việc củng cố, phát triển Đảng trong giai đoạn hiện nay và tương lai.

***6. FLA7001, Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)***

Học phần Tiếng Anh 1 là học phần cơ bản dành cho sinh viên nhằm trang bị những kỹ năng ngôn ngữ thiết yếu và kiến thức nền tảng về tiếng Anh. Mục tiêu của học phần giúp sinh viên phát triển cả bốn kỹ năng ngôn ngữ chính: nghe, nói, đọc, và viết. Về kỹ năng nghe, học phần tập trung vào việc cải thiện khả năng hiểu các đoạn hội thoại đơn giản, thông qua các bài nghe ngắn về các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như gia đình, trường học, và sở thích cá nhân. Sinh viên được khuyến khích lắng nghe và nắm bắt ý chính, cũng như các chi tiết cụ thể để tăng cường khả năng nghe hiểu. Kỹ năng nói được phát triển thông qua các hoạt động giao tiếp thực tế trong lớp học. Sinh viên thực hành phát âm, ngữ điệu, và kỹ năng hội thoại cơ bản như chào hỏi, giới thiệu bản thân, và thảo luận về các chủ đề đơn giản. Kỹ năng đọc tập trung vào việc hiểu và nắm bắt thông tin từ các đoạn văn ngắn và đơn giản. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, tìm kiếm thông tin chính và thông tin cụ thể, và mở rộng vốn từ vựng qua các bài đọc về các chủ đề đa dạng như môi trường, sở thích cá nhân, và văn hóa. Kỹ năng viết được chú trọng thông qua các bài tập viết câu, hoàn thành câu và đoạn văn ngắn. Sinh viên học cách xây dựng câu đúng ngữ pháp, sử dụng từ vựng phù hợp và viết các đoạn văn mô tả đơn giản về bản thân, gia đình, hoặc những sự kiện hàng ngày.

***7. FLA7002, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)***

Học phần Tiếng Anh 2 là học phần tiếp theo nhằm nâng cao và mở rộng các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản mà sinh viên đã được trang bị trong Tiếng Anh 1. Mục tiêu chính của học phần này là giúp sinh viên phát triển sâu hơn cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, và viết, đồng thời mở rộng vốn từ vựng và củng cố ngữ pháp. Về kỹ năng nghe, học phần tập trung vào việc nâng cao khả năng hiểu các đoạn hội thoại phức tạp hơn và các bài nghe với nhiều giọng nói khác nhau. Sinh viên luyện tập nghe các đoạn hội thoại có độ dài vừa phải, các bài thuyết trình ngắn, và các đoạn ghi âm về các chủ đề đa dạng như du lịch, công việc, và giáo dục, nhằm cải thiện khả năng nắm bắt ý chính và chi tiết cụ thể. Kỹ năng nói được phát triển thông qua các hoạt động giao tiếp nâng cao hơn so với Tiếng Anh 1. Sinh viên thực hành phát âm chính xác, ngữ điệu tự nhiên, và kỹ năng diễn đạt ý tưởng một cách rõ ràng và mạch lạc. Kỹ năng đọc được nâng cao qua việc đọc và phân tích các văn bản dài và phức tạp hơn. Qua đó, sinh viên cũng mở rộng vốn từ vựng và nắm vững các cấu trúc câu phức tạp. Kỹ năng viết được chú trọng thông qua các bài tập viết đa dạng. Sinh viên học cách viết các đoạn văn ngắn, sử dụng từ vựng phong phú và cấu trúc ngữ pháp chính xác. Các bài viết thường tập trung vào việc mô tả, tường thuật, và bình luận về các chủ đề như. Gia đình, sở thích bản thân, xã hội, và văn hóa.

***8. MAG7001, Pháp luật đại cương (3 tín chỉ)***

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Mục tiêu của học phần là: Cung cấp kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật nói chung và pháp luật Việt Nam nói riêng; Phát triển kĩ năng phân tích và áp dụng pháp luật trong tình huống cụ thể; Nâng cao ý thức pháp luật và trách nhiệm của sinh viên trong việc tuân thủ và bảo vệ pháp luật. Học phần giới thiệu về những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật, các uy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý và thực hiện pháp luật. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến nội dung về một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về luật lao động, luật dân sự và tố tụng dân sự, luật hình sự và tố tụng hình sự, luật hành chính, luật phòng chống tham nhũng.

***9. ITC7001, Tin học cơ sở (3 tín chỉ)***

Học phần Tin học cơ sở trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và máy tính, nhằm giúp họ ứng dụng hiệu quả trong học tập và công việc. Mục tiêu của học phần này là giúp sinh viên hiểu rõ về cấu trúc và nguyên lý hoạt động của máy tính, nắm vững các kỹ năng sử dụng phần mềm văn phòng và các công cụ cơ bản của tin học. Học phần cũng cung cấp kiến thức về hệ điều hành, với các chức năng chính và cách thức quản lý tài nguyên máy tính. Học phần còn tập trung vào việc phát triển kỹ năng sử dụng các phần mềm văn phòng phổ biến như Microsoft Word, Excel và PowerPoint. Sinh viên sẽ học cách soạn thảo, định dạng văn bản, tạo bảng biểu và biểu đồ, cũng như thiết kế các bài thuyết trình chuyên nghiệp. Qua đó, họ có thể nâng cao năng suất làm việc và trình bày thông tin một cách rõ ràng và hiệu quả. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu về mạng máy tính và internet, giúp sinh viên hiểu cách thức kết nối và truyền tải dữ liệu trong mạng. Thông qua học phần Tin học cơ sở, sinh viên sẽ có được nền tảng kiến thức vững chắc về công nghệ thông tin, cùng với những kỹ năng thực hành cần thiết để ứng dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau trong học tập và công việc. Điều này không chỉ giúp họ làm việc hiệu quả hơn mà còn chuẩn bị tốt cho việc tiếp cận các công nghệ tiên tiến trong tương lai.

 ***10. FOS7006, Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)***

Theo đề cương chi tiết của Bộ Giáo dục và đào tạo

 ***11. Giáo dục quốc phòng – An ninh (8 tín chỉ)***

Theo đề cương chi tiết của Bộ Giáo dục và đào tạo

***12. MAG7002, Thống kê trong khoa học xã hội (3 tín chỉ)***

Học phần "Thống kê trong khoa học xã hội" trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để áp dụng thống kê trong nghiên cứu xã hội. Học phần tập trung vào việc xây dựng nền tảng lý thuyết thống kê vững chắc, giới thiệu các thuật toán thống kê cơ bản và nâng cao, đồng thời phát triển khả năng ứng dụng thực tế. Sinh viên sẽ được học về các phương pháp thu thập, tổ chức và phân tích dữ liệu, cũng như cách diễn giải kết quả thống kê. Khóa học bao gồm cả thống kê mô tả và suy luận, giúp sinh viên có thể tóm tắt dữ liệu hiệu quả và đưa ra kết luận dựa trên bằng chứng thống kê. Bên cạnh đó, học phần này giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và kỹ năng nghiên cứu định lượng, chuẩn bị cho họ khả năng thực hiện các nghiên cứu độc lập trong tương lai. Bằng cách kết hợp lý thuyết với thực hành, học phần tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên trong việc áp dụng thống kê vào nghiên cứu khoa học xã hội.

***13. PSE7001, Phương pháp nghiên cứu khoa học (3 tín chỉ)***

Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học là một phần quan trọng của chương trình học đại cương, nhằm giới thiệu các phương pháp và kỹ thuật cần thiết để thực hiện một nghiên cứu khoa học chất lượng. Nội dung của học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học, hoạt động khoa học và công nghệ, nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng luận điểm khoa học, vai trò của luận điểm khoa học trong nghiên cứu khoa học, trình tự xây dựng luận điểm khoa học, giả thuyết khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học (như nghiên cứu tài liệu, phương pháp phi thực nghiệm, phương pháp thực nghiệm, ph­ương pháp trắc nghiệm, hội nghị khoa học, xử lý thông tin khoa học, phân tích kết quả nghiên cứu...), trình bày luận điểm khoa học, luận văn khoa học. Hình thành kỹ năng thao tác nghiên cứu khoa học, biết xây dựng luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học và trình bày luận điểm khoa học, viết tài liệu khoa học, thuyết trình khoa học. Hình thành đạo đức khoa học trong sinh viên

***14. MAG7063,* Lịch sử kinh tế quốc dân**

 ***(3 tín chỉ)***

 Học phần Lịch sử kinh tế quốc dân tập trung nghiên cứu các vấn đề: Giới thiệu các giai đoạn trong quá trình phát triển kinh tế của các nhóm nước như các nước TBCN, các nước XHCN, các nước đang phát triển…, sau đó sẽ làm rõ hơn bằng việc tiếp tục nghiên cứu một số đại diện của các nhóm nước này. Bên cạnh đó, học phần nghiên cứu những dẫn chứng thực tiễn về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất (LLSX) và quan hệ sản xuất (QHSX) của các nước trong từng giai đoạn phát triển cụ thể, xem xét các chính sách can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế trong các thời kỳ này. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể rút ra được những quy luật và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

***15. PSE7005, Tâm lý học quản lý (3 tín chỉ)***

Học phần Tâm lý học quản lý nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu và ứng dụng các nguyên lý tâm lý trong môi trường làm việc.Nội dung học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về tâm lý học trong hoạt động quản lý và lãnh đạo. Sinh viên sẽ được học cách phân biệt giữa vai trò lãnh đạo và quản lý, hiểu rõ sự khác biệt và mối quan hệ giữa hai khía cạnh này trong việc điều hành tổ chức. Tiếp theo, học phần đi sâu vào phân tích đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo, quản lý và tập thể lao động. Sinh viên sẽ tìm hiểu các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến hành vi, quyết định của người lãnh đạo và tác động của chúng đến hiệu quả làm việc của nhóm và tổ chức. Bên cạnh đó, học phần đề cập đến việc phát triển các năng lực và phẩm chất cần thiết của người lãnh đạo, quản lý như ra quyết định, giải quyết xung đột, tạo động lực và truyền cảm hứng cho nhân viên. Thông qua học phần này, sinh viên không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn phát triển kỹ năng thực tế trong việc áp dụng kiến thức tâm lý học vào thực tiễn quản lý và lãnh đạo, giúp họ trở thành những nhà quản lý hiệu quả trong tương lai.

***16. MAG7064, Kinh tế học giáo dục (3 tín chỉ)***

Học phần Kinh tế học giáo dục trang bị cho sinh viên cái nhìn toàn diện về mối quan hệ giữa giáo dục và phát triển kinh tế, cũng như các nguyên lý kinh tế áp dụng trong lĩnh vực giáo dục. Nội dung học phần đề cập đến khái niệm cơ bản về kinh tế học giáo dục, vai trò của giáo dục, đào tạo trong phát triển kinh tế và xã hội. Bên cạnh đó, học phần đi sâu vào phân tích cung và cầu trong thị trường giáo dục. Sinh viên sẽ học cách áp dụng các nguyên lý kinh tế để hiểu về hành vi của các bên tham gia trong hệ thống giáo dục, bao gồm học sinh, giáo viên, nhà trường và chính phủ. Ngoài ra, sinh viên sẽ tìm hiều về các nguồn tài chính cho giáo dục, phân tích chi phí-lợi ích trong đầu tư giáo dục, và các phương pháp đánh giá hiệu quả của chi tiêu cho giáo dục, xu hướng toàn cầu hóa trong giáo dục và tác động của nó đối với các hệ thống giáo dục quốc gia.

***17. ITC7004, Toán cho các nhà kinh tế (3 tín chỉ)***

Học phần Toán cho các nhà kinh tế nhằm trang bị cho sinh viên nền tảng toán học vững chắc để áp dụng vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế. Môn học này tập trung vào các công cụ toán học quan trọng như đại số tuyến tính, giải tích và tối ưu hóa, được thiết kế đặc biệt để phục vụ cho việc mô hình hóa và phân tích các hiện tượng kinh tế. Sinh viên sẽ được học về ma trận và ứng dụng trong phân tích cân bằng thị trường, đạo hàm và tích phân với ứng dụng trong lý thuyết người tiêu dùng và người sản xuất, cũng như các phương pháp tối ưu hóa để giải quyết các bài toán tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa chi phí. Thông qua việc kết hợp lý thuyết toán học với các ví dụ và bài tập thực tế trong kinh tế, môn học này không chỉ nâng cao khả năng tư duy logic và phân tích định lượng của sinh viên mà còn giúp họ phát triển kỹ năng mô hình hóa và giải quyết vấn đề, là nền tảng quan trọng cho việc nghiên cứu sâu hơn trong các lĩnh vực kinh tế học hiện đại.

***18. MAG7065, Pháp luật kinh tế (3 tín chỉ)***

Pháp luật kinh tế là môn khoa học pháp lý trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật áp dụng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại như: Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của pháp luật kinh tế; Chủ thể của Luật Kinh tế; Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động kinh doanh; Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh tế; Quy chế pháp lý về thành lập, tổ chức quản lý hoạt động của doanh nghiệp; Chế độ pháp lý về doanh nghiệp tư nhân và công ty; Chế độ pháp lý về các honhf thức tổ chức và chủ thể kinh doanh khác; Pháp luật về hợp đồng kinh doanh, thương mại; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và vụ việc cạnh tranh; Pháp luật về phá sản.

***19. MAG7066, Nguyên* lý thống kê kinh tế *(3 tín chỉ)***

Học phần "Nguyên lý thống kê kinh tế" cung cấp một cơ sở kiến thức vững chắc về phương pháp luận thống kê và cách thức áp dụng chúng trong việc phân tích kinh tế. Người học sẽ được giới thiệu về các khái niệm thống kê cơ bản, bao gồm cả nguyên tắc và phương pháp tiến hành các nghiên cứu thống kê. Học phần cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của thống kê trong việc nghiên cứu và phân tích nền kinh tế. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị kỹ năng về cách thức trình bày dữ liệu thống kê như sử dụng bảng và đồ thị. Họ cũng sẽ học cách tính toán và giải thích các chỉ số thống kê mô tả như giá trị trung bình, trung vị, mốt, phương sai và độ lệch chuẩn, cùng với việc xây dựng và sử dụng các mô hình hồi quy để dự báo các xu hướng biến động của các hiện tượng kinh tế. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu các chỉ số kinh tế thông dụng như CPI, GDP và Vn Index, giúp người học hiểu được cách xây dựng, ý nghĩa và cách ứng dụng trong thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng áp dụng linh hoạt các công cụ thống kê để phân tích, đánh giá và dự đoán các vấn đề kinh tế, đóng góp vào công tác nghiên cứu và hoạch định chính sách kinh tế một cách hiệu quả.

***20. MAG7013, Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội (3 tín chỉ)***

Học phần Quản lý nhà nước về Kinh tế - Xã hội nhằm cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội. Sinh viên được tìm hiểu các vấn đề cơ bản của kinh tế xã hội bao gồm: kinh tế; tài chính – tiền tệ; lao động, việc làm, bảo trợ xã hội; đô thị và nông thôn; dân số - kế hoạch hóa gia đình; văn hóa – y tế - giáo dục; khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường; an ninh quốc phòng; từ đó xác định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp trung ương đến cấp địa phương đối với các vấn đề trên. Học phần cũng cập trung làm rõ các công cụ và các nội dung cơ bản khi quản lý nhà nước về các vấn đề kinh tế xã hội ở mỗi lĩnh vực. Trên cơ sở đó, sinh viên được khuyến khích thảo luận và phân tích các vấn đề thực tiễn, nghiên cứu các trường hợp cụ thể của quản lý nhà nước về kinh tế xã hội của quốc gia và địa phương.

***21. MAG7010, Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ)***

Nguyên lý kế toán là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán: khái niệm, định nghĩa, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị cụ thể. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những kiến thức nền tảng kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

***22. MAG7003, Quản trị học (3 tín chỉ)***

Học phần Quản trị học là một học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tổ chức. Học phần bắt đầu bằng việc giới thiệu một số vấn đề chung về tổ chức và môi trường tổ chức, nhà quản trị trong quản trị tổ chức cũng như các nguyên tắc và phương pháp quản trị tổ chức phổ biến, các chức năng quản trị. Sinh viên được làm quen với một số tư tưởng, học thuyết quản trị nhằm giúp người học có cái nhìn tổng quan về sự phát triển của các tư tưởng và học thuyết quản trị. Tiếp theo, học phần tập trung vào các chủ đề cụ thể như quản trị nhân sự, quản trị sản phẩm và dịch vụ, quản trị tài chính và quản trị marketing. Sinh viên được hướng dẫn về cách xây dựng và phát triển nhóm làm việc hiệu quả, cũng như cách tối ưu hóa các quá trình sản xuất và cung cấp dịch vụ. Một phần quan trọng khác của học phần là giới thiệu về quản trị chiến lược, nơi sinh viên học về cách phát triển và triển khai kế hoạch chiến lược để đạt được mục tiêu và sứ mệnh của tổ chức. Ngoài ra, học phần cũng đề cập đến các vấn đề quản trị khác như quản trị rủi ro, quản trị chất lượng và quản trị thay đổi tổ chức. Sinh viên được khuyến khích thảo luận và áp dụng các phương pháp và công cụ quản trị vào các trường hợp thực tế trong doanh nghiệp và tổ chức. Tóm lại, học phần Quản trị học không chỉ cung cấp kiến thức về các nguyên lý quản trị mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng quản trị và lãnh đạo cần thiết để thành công trong môi trường kinh doanh đa dạng và thách thức.

***23. MAG7067, Lý thuyết tài chính tiền tệ (3 tín chỉ)***

Học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần lý luận cơ sở ngành có vị trí như cầu nối giữa các học phần lý luận cơ bản và các học phần nghiệp vụ.

Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính tiền tệ như: Tổng quan về tài chính - tiền tệ, bản chất, chức năng của tài chính tiền tệ, cung cầu tiền, các khối tiền.... Hệ thống tài chính, vị trí, vai trò của các khâu trong hệ thống tài chính, lý luận về thị trường tài chính......; khái quát những nội dung chủ yếu của hoạt động tài chính trong các lĩnh vực khác nhau như: ngân hàng, bảo hiểm, tín dụng, tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế.....Học phần chỉ tập trung những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính tiền tệ, những vấn đề có tính nguyên tắc, những tư tưởng quan điểm cơ bản, những định hướng lớn về tổ chức và sử dụng tài chính tiền tệ trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam mà không đi sâu vào các vấn đề có tính chất kỹ thuật, nghiệp vụ của công tác tài chính tiền tệ..

***24. MAG7068, Văn hoá kinh doanh (3 tín chỉ)***

Học phần văn hóa kinh doanh tập trung vào việc hiểu và áp dụng các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc tế ngày nay. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu về các khái niệm cơ bản về văn hóa và cách nó ảnh hưởng đến các khía cạnh của kinh doanh như quản lý, tiếp thị, và giao tiếp. Một phần lớn của nội dung đề cập đến việc hiểu các văn hóa khác nhau trên thế giới, từ các quốc gia phát triển đến các quốc gia đang phát triển, và cách các yếu tố văn hóa này ảnh hưởng đến cách làm việc, quan hệ kinh doanh, và quyết định chiến lược của các tổ chức. Sinh viên sẽ được khuyến khích tham gia vào các hoạt động nhóm và thảo luận, để có cơ hội trao đổi ý kiến và hiểu rõ hơn về các vấn đề văn hóa đa dạng. Ngoài ra, có thể có các bài giảng về các trường phái quản lý đa văn hóa và các chiến lược địa phương hóa trong kinh doanh quốc tế. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế, đồng thời phản ánh về cách mà văn hóa ảnh hưởng đến quyết định kinh doanh và cách tạo ra giải pháp phù hợp trong một môi trường đa văn hóa.

 ***25. MAG7069, Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh (3 tín chỉ)***

Học phần Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh tập trung vào việc phát triển và cải thiện kỹ năng đàm phán của sinh viên trong các tình huống kinh doanh. Nội dung của học phần này bao gồm các khía cạnh cơ bản của quá trình đàm phán, từ chuẩn bị trước cuộc đàm phán đến kỹ năng thực thi và đàm phán hiệu quả. Sinh viên sẽ được giáo viên hướng dẫn về cách phân tích bên đối tác, xác định lợi ích và mục tiêu của cả hai bên, và xây dựng chiến lược đàm phán phù hợp.

Một phần quan trọng của học phần là việc thực hành qua các tình huống mô phỏng đàm phán thực tế. Sinh viên sẽ được giao các bài tập đàm phán với vai trò khác nhau, từ người mua đến người bán, và từ các tình huống đơn giản đến phức tạp. Thông qua việc tham gia vào các tình huống mô phỏng này, sinh viên có cơ hội áp dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế, đồng thời nhận được phản hồi từ giáo viên và đồng học. Ngoài ra, học phần cũng có thể bao gồm các nội dung về đàm phán đa văn hóa, trong đó sinh viên được hướng dẫn về cách thích nghi và hiểu biết về các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến quá trình đàm phán trong môi trường kinh doanh toàn cầu ngày nay.

***26. MAG7070, Lịch sử học thuyết kinh tế (3 tín chỉ)***

Học phần "Lịch sử học thuyết kinh tế" cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về sự ra đời, phát triển của các học thuyết kinh tế từ thời kỳ cổ điển cho đến hiện đại. Thông qua việc tìm hiểu các tư tưởng và lý thuyết kinh tế của các nhà kinh tế học lỗi lạc như Adam Smith, David Ricardo, Karl Marx, John Maynard Keynes và nhiều học giả khác, sinh viên sẽ hiểu được bối cảnh lịch sử, xã hội và những vấn đề kinh tế mà các học thuyết này ra đời để giải quyết. Từ đó, sinh viên có thể phân tích, so sánh và đánh giá một cách có hệ thống những ưu điểm, hạn chế và tác động của mỗi học thuyết đối với sự phát triển của kinh tế học nói riêng và nền kinh tế - xã hội nói chung.Qua đó, môn học giúp sinh viên hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và có một tầm nhìn rộng mở, sâu sắc hơn về kinh tế học.

***27. MAG7071, Kinh tế quốc tế (3 tín chỉ)***

Học phần Kinh tế quốc tế tập trung vào việc nghiên cứu và hiểu về các khía cạnh quan trọng của kinh tế toàn cầu trong thế kỷ 21. Nó đặc biệt chú trọng vào các vấn đề liên quan đến quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, sự tương tác giữa thị trường toàn cầu và các yếu tố văn hóa, chính trị, và kinh doanh.

Nội dung của học phần bao gồm việc nghiên cứu về các hình thức hợp tác kinh tế quốc tế như thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài, và các hiệp định thương mại tự do. Sinh viên sẽ được giải thích về cơ sở lý thuyết và cách thức hoạt động của các tổ chức quốc tế như WTO (Tổ chức Thương mại Thế giới) và IMF (Quỹ Tiền tệ Quốc tế), cũng như vai trò của chúng trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế toàn cầu.

Học phần cũng sẽ đào sâu vào các vấn đề đương đại trong kinh tế quốc tế như biến đổi khí hậu, bất ổn kinh tế và tài chính toàn cầu, và các vấn đề liên quan đến công bằng và phát triển bền vững. Sinh viên sẽ được khuyến khích phân tích các tình huống và vấn đề thực tế, đồng thời áp dụng các lý thuyết và khái niệm đã học để đưa ra các giải pháp và đề xuất cụ thể.

Một phần quan trọng của học phần là việc hiểu về vai trò của các quốc gia mới nổi và các khu vực kinh tế mới như châu Á, châu Phi, và châu Mỹ Latinh trong nền kinh tế toàn cầu, cũng như tương tác giữa các nền kinh tế này với các nền kinh tế phát triển truyền thống.

***28. MAG7072, Kinh tế vĩ mô 1 (3 tín chỉ)***

Học phần Kinh tế vĩ mô 1 là một trong những nền tảng quan trọng nhất trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế. Môn học này cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng quan và sâu sắc về cách thức vận hành của nền kinh tế ở cấp độ vĩ mô. Thông qua việc nghiên cứu các vấn đề tổng thể, sinh viên sẽ hiểu được mối liên hệ và tác động qua lại giữa các chỉ báo kinh tế quan trọng như tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, việc làm, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu chính phủ, cung tiền và lãi suất.

Một trong những nội dung trọng tâm của học phần là phân tích cách thức các chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách tài khóa và tiền tệ được sử dụng để điều tiết nền kinh tế. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về mô hình tổng chi tiêu của Keynes, vai trò của chính phủ trong việc kích thích tổng cầu và ổn định kinh tế vĩ mô thông qua các công cụ như thuế, chi tiêu chính phủ và điều hành lãi suất. Đồng thời, môn học cũng giúp người học nắm bắt được mối quan hệ giữa tổng cung, tổng cầu và khả năng tự điều chỉnh của nền kinh tế trong dài hạn.

Bên cạnh đó, học phần Kinh tế vĩ mô 1 còn đề cập đến các vấn đề quan trọng khác như thâm hụt/thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái. Sinh viên sẽ hiểu được tầm quan trọng của hoạt động ngoại thương đối với nền kinh tế, cũng như tác động của biến động tỷ giá lên các chỉ tiêu vĩ mô. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu về chu kỳ kinh doanh, giúp người học nhận diện và phân tích các giai đoạn khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế.

***29. MAG7073, Kinh tế vi mô 1 (3 tín chỉ)***

Học phần *“Kinh tế vi mô 1”* cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô. Đây là học phần quan trọng, giúp người học hiểu được các quy luật kinh tế cơ bản, làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức kinh tế ở các học phần tiếp theo. Người học sẽ được tiếp cận những vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô như: đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các giả định của kinh tế vi mô; nghiên cứu về cầu, cung, sự cân bằng của thị trường và ảnh hưởng của các nhân tố đến sự thay đổi của cầu/cung. Các mô hình kinh tế vi mô cơ bản để phân tích hành vi của người tiêu dùng và nhà sản xuất trong nền kinh tế cũng được đề cập. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu các loại thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền, độc quyền nhóm); các thất bại của thị trường tự do và sự can thiệp của Chính phủ nhằm khắc phục những thất bại đó. Kết thúc học phần, người học có thể vận dụng được các lý thuyết kinh tế vi mô cơ bản để giải thích được các vấn đề thực tiễn liên quan đến hành vi của người tiêu dùng và nhà sản xuất, cũng như sự vận hành của nhiều loại hình thị trường khác nhau trong nền kinh tế.

***30. MAG7074, Kinh tế vĩ mô 2 (3 tín chỉ)***

Học phần Kinh tế vĩ mô 2 tập trung nghiên cứu các vấn đề tổng thể về nền kinh tế, bao gồm việc mô tả, đo lường và phân tích các chính sách kinh tế, các chỉ báo kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt/thặng dư thương mại, cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và nhiều vấn đề vĩ mô khác. Tuy nhiên học phần Kinh tế vĩ mô 2 này đi sâu hơn vào việc nghiên cứu cách thức sử dụng các mô hình kinh tế vĩ mô để giải thích một cách chặt chẽ và khoa học mối quan hệ giữa các chỉ số kinh tế vĩ mô. Bên cạnh đó, chúng ta cũng sẽ nghiên cứu trạng thái của nền kinh tế trong dài hạn, tăng trưởng kinh tế trong rất dài hạn, và cuối cùng là nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn. Ngoài ra học phần Kinh tế vĩ mô 2 cũng tập trung nghiên cứu các chính sách kinh tế vĩ mô được sử dụng phổ biến là chính sách Tiền tệ và chính sách tài khóa, cách kết hợp sử dụng 2 chính sách này đồng thời và ảnh hưởng của chúng tới nền kinh tế xã hội.

***31. MAG7075, Kinh tế vi mô 2 (3 tín chỉ)***

Học phần *“Kinh tế vi mô 2”* trang bị kiến thức nâng cao cho người học về lý thuyết và mô hình phân tích trong kinh tế vi mô, nhằm giúp họ nắm được toàn bộ hệ thống kiến thức ngành kinh tế một cách khoa học và logic. Cụ thể, người học được mở rộng những hiểu biết đã học ở học phần Kinh tế vi mô 1. Đầu tiên, người học sẽ được tiếp cận các lý thuyết nâng cao về hành vi lựa chọn của người tiêu dùng khi có các yếu tố rủi ro, thiếu thông tin và ràng buộc ngân sách. Tiếp đến, người học sẽ được nghiên cứu sâu về quyết định cung ứng, sản xuất của các doanh nghiệp trong dài hạn để tối đa hóa lợi nhuận. Đồng thời, người học sẽ phân tích chi tiết các mô hình độc quyền và quyết định tối ưu của các hãng trong các tình huống cạnh tranh độc quyền hoặc độc quyền tập đoàn. Ngoài ra, người học sẽ đi sâu nghiên cứu về sự cân bằng của các yếu tố thị trường sản xuất như thị trường lao động, đất đai hay vốn. Kết thúc học phần, người học có những kiến thức nâng cao, chuyên sâu và hệ thống về lý luận và phương pháp tiếp cận, phân tích trong kinh tế vi mô. Từ đó, người học có thể áp dụng tốt và linh hoạt hơn trong việc nghiên cứu các vấn đề thực tiễn.

***32. MAG7020, Quản trị nhân lực (3 tín chỉ)***

Học phần Quản trị nhân lực đóng vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức. Môn học này cung cấp một cái nhìn toàn diện về chu trình làm việc của người lao động, từ khi họ gia nhập tổ chức cho đến khi rời khỏi, bao gồm ba giai đoạn chính: hình thành, duy trì và phát triển nguồn nhân lực. Sinh viên sẽ tìm hiểu về các hoạt động như tuyển dụng, tuyển chọn và đào tạo nhân viên mới. Giai đoạn duy trì tập trung vào việc sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương thưởng, đánh giá hiệu suất làm việc và tạo môi trường làm việc tích cực. Cuối cùng, giai đoạn phát triển nhấn mạnh vào việc nâng cao năng lực và động lực của nhân viên thông qua đào tạo, phát triển nghề nghiệp và quản lý sự thay đổi. Bên cạnh việc cung cấp kiến thức lý thuyết, học phần Quản trị nhân lực còn chú trọng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng và thái độ cần thiết trong công tác quản lý nhân sự. Sinh viên sẽ có cơ hội thực hành các kỹ năng như giao tiếp, lãnh đạo, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề thông qua các bài tập tình huống và dự án thực tế. Đồng thời, môn học cũng giúp người học hình thành quan điểm đúng đắn về vai trò của quản trị nhân lực trong sự phát triển bền vững của tổ chức.

***33. MAG7076, Kinh tế học công cộng (3 tín chỉ)***

Kinh tế học công cộng tập trung nghiên cứu vai trò và hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế. Học phần này cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về sự cần thiết và tầm quan trọng của sự can thiệp của chính phủ vào thị trường, đồng thời phân tích sâu hơn về ba chức năng chính của chính phủ trong nền kinh tế thị trường: phân bổ nguồn lực, phân phối thu nhập và ổn định kinh tế vĩ mô.

Thông qua việc nghiên cứu lý thuyết kết hợp với phân tích thực tiễn ở Việt Nam, sinh viên sẽ hiểu được cách thức chính phủ sử dụng các công cụ chính sách để điều tiết nền kinh tế. Về phân bổ nguồn lực, học phần chỉ ra các trường hợp thất bại của thị trường và cách thức chính phủ can thiệp để nâng cao hiệu quả kinh tế. Về phân phối thu nhập, sinh viên tìm hiểu các chính sách tài khóa và an sinh xã hội nhằm đảm bảo công bằng và giảm bất bình đẳng. Đối với ổn định kinh tế vĩ mô, môn học phân tích vai trò của chính phủ trong việc kiểm soát lạm phát, thất nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa.Bên cạnh đó, học phần Kinh tế học công cộng còn đề cập đến các vấn đề liên quan đến lựa chọn công cộng, như cơ chế ra quyết định của chính phủ, tác động của các nhóm lợi ích và vấn đề quan liêu. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về các công cụ chính sách chủ yếu mà chính phủ sử dụng để can thiệp vào nền kinh tế, như thuế, chi tiêu công, trợ cấp và quy định.

***34. MAG7005, Khoa học dự báo (3 tín chỉ)***

Học phần Khoa học dự báo nghiên cứu các vấn đề liên quan đến dự báo các hiện tượng trong kinh tế, xã hội và Giáo dục. Môn khoa học dự báo trang bị cho người học một nền tảng kiến thức cơ bản, hệ thống về dự báo: khái niệm, đặc điểm, tính chất, yêu cầu, nguyên tắc dự báo; khái quát các phương pháp dự báo định tính và định lượng, các kỹ thuật phân tích thống kê, kỹ năng sử dụng phần mềm dự báo thông dụng hiện nay. Theo đó người học có thể xử lý các thông tin đã thu thập được, nhằm lựa chọn phương pháp dự báo cho phù hợp, trên cơ sở dự đoán được các mức độ của hiện tượng trong tương lai, hỗ trợ đáng kể cho việc hình thành các chính sách chiến lược và các quyết định hàng ngày của các cơ quan quản lý nói chung và trong ngành Giáo dục nói riêng. Bên cạnh đó, học phần giúp người học nhận thức được: Với tình hình có sự biến động của nhiều chỉ số trong và ngoài nước đã thúc đẩy dự báo trở thành một hoạt động quan trọng không thể thiếu được trong hầu hết các lĩnh vực.

***35. MAG7077, Kinh tế lượng (3 tín chỉ)***

Học phần *Kinh tế lượng* trang bị cho người học nền tảng kiến thức về việc sử dụng mô hình toán học để định lượng và dự báo các hiện tượng kinh tế, đồng thời áp dụng các kỹ thuật thống kê để kiểm tra và xác nhận các giả thuyết kinh tế. Cụ thể, người học sẽ học được cách thiết lập và ước lượng mô hình hồi quy đơn biến và đa biến, hiểu về phương pháp ước lượng OLS và các giả thiết liên quan để đảm bảo tính chính xác của mô hình; sử dụng kết quả ước lượng để suy diễn về tổng thể và dự báo các giá trị trong tương lai thông qua việc tính toán khoảng tin cậy và thực hiện các kiểm định giả thuyết thống kê; điều chỉnh mô hình hồi quy để tính đến ảnh hưởng của các yếu tố định tính thông qua sử dụng biến giả và biến tương tác; đánh giá và lựa chọn mô hình hồi quy phù hợp, cũng như cách xử lý khi các giả thiết của mô hình không được thỏa mãn…Sau khi hoàn thành học phần này, người học đã có đủ nền tảng để áp dụng các công cụ định lượng nhằm nâng cao tính khoa học cho các đề tài, nghiên cứu kinh tế của mình; đưa ra các quyết định dựa trên những bằng chứng thống kê cụ thể.

***36. MAG7078, Kinh tế đầu tư (3 tín chỉ)***

Học phần Kinh tế đầu tư cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lĩnh vực đầu tư. Học phần này giúp người học nắm vững các lý thuyết căn bản về đầu tư và hoạt động đầu tư, từ đó hiểu rõ bản chất và vai trò quan trọng của đầu tư đối với sự phát triển toàn diện của nền kinh tế, xã hội và doanh nghiệp.

Thông qua việc phân tích các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư, sinh viên sẽ nhận thức sâu sắc về tác động của chúng đến hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển. Đồng thời, học phần cũng chỉ ra cách thức huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho hoạt động đầu tư phát triển, giúp người học có thể vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về khái niệm, hệ thống tổ chức bộ máy, chức năng, phương pháp và công cụ quản lý, cũng như nội dung quản lý hoạt động đầu tư của nhà nước. Điều này giúp người học có cái nhìn tổng quan về vai trò và cách thức nhà nước điều tiết, hỗ trợ và giám sát hoạt động đầu tư phát triển trong nền kinh tế.

***37. MAG7079, Tài chính công (3 tín chỉ)***

Học phần Tài chính công thường tập trung vào việc nghiên cứu về cách các tổ chức công cộng, chính phủ hoạt động và quản lý tài chính của họ. Nó bao gồm các khái niệm, nguyên lý và công cụ để đo lường và quản lý tài chính ở cấp độ công cộng. Sinh viên thường học về cách chính phủ thu thuế, quản lý ngân sách, và sử dụng tài nguyên tài chính để cung cấp các dịch vụ công cộng như y tế, giáo dục, và cơ sở hạ tầng. Trong học phần này, sinh viên thường được giới thiệu với các nguyên tắc cơ bản của tài chính công, bao gồm cách thức thu thuế, quản lý nợ công, và cách phân bổ nguồn lực tài chính. Họ cũng có thể nghiên cứu về các phương pháp đánh giá hiệu quả của các chính sách tài chính công và ảnh hưởng của chúng đối với kinh tế và xã hội. Một phần quan trọng của học phần này là việc hiểu về cách thức các quyết định tài chính công ảnh hưởng đến các cá nhân và doanh nghiệp trong xã hội. Sinh viên có thể được yêu cầu phân tích các chính sách thuế, chi tiêu công và vay nợ của chính phủ để đánh giá tác động của chúng và đề xuất các cải tiến.

***38. FLA7003, Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế (3 tín chỉ)***

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế thường nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế, thương mại quốc tế và đặc biệt là kinh tế trong lĩnh vực giáo dục. Sinh viên được giáo viên giảng dạy và thảo luận về các chủ đề như kinh tế học, quản trị kinh doanh, thương mại quốc tế, và tài chính, kinh tế trong giáo dục

Trong học phần này, sinh viên thường được yêu cầu đọc và phân tích các văn bản, 1 trích đoạn của bài báo, và tài liệu liên quan đến kinh tế bằng tiếng Anh. Sinh viên sẽ tham gia vào các hoạt động như thảo luận nhóm, thuyết trình để thực hành và cải thiện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của mình trong ngữ cảnh kinh tế.

Nội dung của học phần bao gồm cả ngôn ngữ chuyên ngành và kiến thức về các vấn đề kinh tế quan trọng. Sinh viên có thể học về các thuật ngữ, cụm từ, và biểu đồ thống kê được sử dụng trong phân tích kinh tế, được lồng ghép với các hiện tượng ngữ pháp trong bài đọc sẽ giúp sinh viên có thể tiếp thu được các kiến thức về lĩnh vực kinh tế, vừa có thể cũng cố lại các điểm ngữ pháp đã học ở các học phần trước.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh một cách chuyên sâu và hiệu quả trong lĩnh vực kinh tế. Đồng thời, khuyến khích sinh viên phát triển kỹ năng đọc, viết, nghe, và nói tiếng Anh thông qua các hoạt động thực hành và áp dụng kiến thức vào thực tế kinh tế và thương mại.

***39. MAG7080, Kinh tế phát triển (3 tín chỉ)***

Kinh tế phát triển là một nhánh quan trọng của kinh tế học ứng dụng, tập trung vào việc tìm kiếm các giải pháp để đưa một nền kinh tế đang phát triển hoặc kém phát triển tiến lên thành một nền kinh tế phát triển và thịnh vượng. Học phần này nghiên cứu sâu về các đặc điểm kinh tế - xã hội đặc trưng của các nước đang phát triển, so sánh với các nước phát triển, từ đó xác định những lộ trình và mô hình phát triển phù hợp cho từng quốc gia. Trong học phần Kinh tế phát triển, sinh viên sẽ được giới thiệu những khái niệm cơ bản về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế và phát triển bền vững. Đồng thời, môn học cũng làm rõ các thước đo và nội hàm của phát triển kinh tế, bao gồm tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến bộ xã hội. Sinh viên sẽ tìm hiểu về vai trò của các yếu tố nguồn lực như vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên và công nghệ trong quá trình thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, học phần cũng đi sâu vào phân tích mối quan hệ giữa giáo dục và phát triển kinh tế. Sinh viên sẽ nhận thức được tầm quan trọng của việc đầu tư vào giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong việc nâng cao năng suất, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

***40. MAG7009, Marketing căn bản (3 tín chỉ)***

Học phần Marketing căn bản là một khóa học quan trọng trong lĩnh vực tiếp thị và quảng cáo. Nó nhằm mục đích giới thiệu cho sinh viên về các nguyên lý cơ bản của marketing và cách áp dụng chúng trong thực tế kinh doanh. Trong học phần này, sinh viên được giới thiệu với khái niệm về thị trường và người tiêu dùng, bao gồm cách phân loại thị trường, đặc điểm của từng loại thị trường, và cách xác định nhu cầu và mong muốn của khách hàng. Họ cũng học về quy trình nghiên cứu thị trường để thu thập và phân tích thông tin về thị trường và khách hàng. Ngoài ra, học phần cũng tập trung vào các yếu tố cơ bản của chiến lược marketing, bao gồm việc xác định mục tiêu marketing, lựa chọn mục tiêu thị trường, và phát triển bộ sản phẩm/dịch vụ phù hợp. Sinh viên được hướng dẫn về cách xây dựng và quản lý thương hiệu, cũng như cách thiết lập giá cả và kênh phân phối hiệu quả. Một phần quan trọng của học phần này là việc nghiên cứu về chiến lược tiếp thị truyền thông, bao gồm quảng cáo, quan hệ công chúng, tiếp thị trực tuyến và tiếp thị truyền thông xã hội. Sinh viên được hướng dẫn về cách lập kế hoạch tiếp thị và quảng cáo, lựa chọn phương tiện truyền thông phù hợp, và đo lường hiệu quả của các chiến dịch tiếp thị. Tóm lại, học phần Marketing căn bản là nền tảng quan trọng để sinh viên hiểu về bản chất và quy trình của marketing, từ đó phát triển những kỹ năng cần thiết để thiết lập và thực thi các chiến lược tiếp thị hiệu quả trong môi trường kinh doanh thực tế.

 ***41. MAG7081, Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)***

Học phần Quản trị chiến lược là một phần quan trọng của chương trình đào tạo kinh tế. Tập trung vào việc nghiên cứu và áp dụng các khái niệm, phương pháp và công cụ để phát triển và thực thi chiến lược tổ chức. Trong học phần này, sinh viên được giới thiệu với quá trình lập kế hoạch chiến lược, bao gồm phân tích môi trường nội và ngoại vi, xác định mục tiêu và chiến lược cốt lõi của tổ chức, và lựa chọn các phương tiện để đạt được mục tiêu đó. Họ cũng học về các khía cạnh quản lý rủi ro và kiểm soát chiến lược trong một môi trường thay đổi không ngừng. Một phần quan trọng của học phần là việc nghiên cứu về các mô hình chiến lược, từ các mô hình phân tích SWOT và mô hình 5 lực cạnh tranh của Porter đến các mô hình phát triển chiến lược dựa trên giá trị và tài nguyên. Sinh viên được khuyến khích áp dụng các công cụ và kỹ thuật này vào việc phân tích và đánh giá các tình huống thực tế trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần cũng tập trung vào việc thực thi chiến lược, bao gồm cách phân bổ nguồn lực, xây dựng cơ cấu tổ chức linh hoạt và hiệu quả, và quản lý thay đổi trong quá trình triển khai chiến lược. Sinh viên được khuyến khích áp dụng kiến thức của mình vào việc phát triển các kế hoạch hành động cụ thể và đo lường hiệu quả của chiến lược. Tóm lại, học phần Quản trị Chiến lược cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan và sâu sắc về quá trình phát triển và thực thi chiến lược tổ chức, từ đó giúp họ trở thành những nhà lãnh đạo có khả năng phát triển và thúc đẩy sự thành công của doanh nghiệp trong một môi trường cạnh tranh.

***42. MAG7082, Thị trường chứng khoán (3 tín chỉ)***

Học phần *Thị trường chứng khoán* là học phần quan trọng, giúp người học chuyên ngành nắm vững toàn bộ hệ thống tri thức về thị trường chứng khoán, từ đó có thể phân tích và đầu tư chứng khoán một cách bài bản. Học phần giới thiệu cho người học cái nhìn tổng quan về thị trường chứng khoán bao gồm: định nghĩa, chức năng, vai trò, cơ cấu, các nguyên tắc hoạt động, vai trò của thị trường cũng như các tổ chức, cá nhân tham gia vào thị trường; giới thiệu các loại chứng khoán được giao dịch phổ biến trên thị trường như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh... Qua đó, người học có thể nắm bắt các vấn đề cốt lõi cũng như tầm quan trọng của thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, người học cũng được giới thiệu về cách thức hoạt động của thị trường sơ cấp, thị trường thứ cấp; vai trò của Sở giao dịch chứng khoán; cách thức mà các sự kiện kinh tế vi mô và vĩ mô ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán. Ngoài ra, người học được hướng dẫn về cách kỹ thu thập và phân tích thông tin tài chính doanh nghiệp, vận dụng các công cụ tài chính để định giá chứng khoán, sử dụng mẫu hình kỹ thuật để dự báo giá, lập chiến lược và ra quyết định đầu tư phù hợp với mục tiêu và khả năng của nhà đầu tư. Kết thúc học phần, người học đã có đầy đủ năng lực để tiếp cận và tham gia đầu tư, giao dịch chứng khoán một cách bài bản và hiệu quả.

***43. MAG7083, Thương mại điện tử (3 tín chỉ)***

Học phần Thương mại điện tử thường tập trung vào việc nghiên cứu và hiểu về cách thức sử dụng Internet và các công nghệ số để thực hiện các giao dịch thương mại. Nó bao gồm cả các khía cạnh kinh doanh trực tuyến và các quy trình quản lý quan trọng liên quan đến hoạt động thương mại trên mạng. Trong học phần này, sinh viên được giới thiệu với các khái niệm cơ bản của thương mại điện tử, bao gồm các loại hình kinh doanh trực tuyến như bán lẻ trực tuyến, dịch vụ trực tuyến, và thị trường điện tử. Họ cũng học về các yếu tố quan trọng như quảng cáo trực tuyến, tạo lập mối quan hệ với khách hàng qua mạng, và cách thức phát triển chiến lược tiếp thị kỹ thuật số. Ngoài ra, học phần cũng đề cập đến việc nghiên cứu về các công nghệ và công cụ cụ thể được sử dụng trong thương mại điện tử, như hệ thống quản lý nội dung (CMS), hệ thống thanh toán trực tuyến, và phân tích dữ liệu trực tuyến. Sinh viên được khuyến khích áp dụng kiến thức của mình vào việc phát triển và quản lý các trang web thương mại điện tử và các chiến lược kinh doanh trực tuyến. Ngoài ra, học phần có thể tập trung vào các vấn đề đặc biệt trong thương mại điện tử, như bảo mật thông tin cá nhân, luật pháp và quy định về thương mại điện tử, và ảnh hưởng của thương mại điện tử đối với kinh doanh truyền thống. Sinh viên có thể được khuyến khích phân tích các trường hợp nghiên cứu và thực hiện các dự án thực tế liên quan đến thương mại điện tử.

***44. MAG7084, Khởi sự kinh doanh (3 tín chỉ)***

Học phần Khởi sự Kinh doanh thường tập trung vào việc giáo dục và chuẩn bị sinh viên về quy trình và các yếu tố quan trọng trong việc khởi nghiệp và quản lý doanh nghiệp mới. Nó bao gồm cả các khía cạnh về kế hoạch kinh doanh, quản lý tài chính, tiếp thị, và phát triển sản phẩm/dịch vụ. Trong học phần này, sinh viên thường được giới thiệu với các khái niệm cơ bản của khởi nghiệp, bao gồm cách xác định cơ hội kinh doanh, nghiên cứu thị trường và khách hàng, và phân tích khả năng cạnh tranh. Họ cũng học về các quy trình quản lý cần thiết như lập kế hoạch kinh doanh, tạo lập mô hình kinh doanh, và phân tích chiến lược.

Một phần quan trọng của học phần là việc nghiên cứu về các khía cạnh tài chính của khởi nghiệp, bao gồm việc xác định và quản lý vốn, dự báo tài chính, và phân bổ nguồn lực tài chính cho các hoạt động kinh doanh cụ thể. Sinh viên cũng được khuyến khích học về các kỹ năng quản lý cần thiết như quản lý dự án, tương tác nhóm, và giải quyết vấn đề. Ngoài ra, học phần cũng tập trung vào việc phát triển kỹ năng tiếp thị và bán hàng, bao gồm việc xây dựng thương hiệu, quảng cáo, và quản lý mối quan hệ khách hàng. Sinh viên có thể được khuyến khích thực hành các kỹ năng này thông qua các dự án thực tế và thảo luận trường hợp.

***45. MAG7085, Marketing giáo dục (3 tín chỉ)***

Học phần Marketing giáo dục là một môn học kết hợp nguyên lý marketing với đặc thù của lĩnh vực giáo dục. Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để áp dụng các chiến lược marketing hiệu quả trong môi trường giáo dục ngày càng cạnh tranh. Nội dung học phần bao gồm việc phân tích thị trường giáo dục, xác định đối tượng mục tiêu, và phát triển các chiến lược định vị cho các tổ chức giáo dục. Sinh viên sẽ học cách thiết kế và quản lý các chương trình giáo dục như sản phẩm, xây dựng chiến lược định giá phù hợp, và phát triển kênh phân phối hiệu quả cho các dịch vụ giáo dục. Đặc biệt, môn học chú trọng vào việc xây dựng chiến lược truyền thông tích hợp, bao gồm quảng cáo, quan hệ công chúng, và marketing trực tuyến trong bối cảnh giáo dục. Ngoài ra, học phần cũng đề cập đến các vấn đề đạo đức và trách nhiệm xã hội trong marketing giáo dục, giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc cân bằng giữa mục tiêu thương mại và sứ mệnh giáo dục. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ có khả năng áp dụng kiến thức marketing vào việc nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các tổ chức giáo dục trong thời đại số.

***46. MAG7086, Tuyển dụng nhân lực (3 tín chỉ)***

Học phần Tuyển dụng nhân lực trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng toàn diện về quy trình tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực trong tổ chức. Nội dung học phần giới thiệu về phương pháp phân tích và dự báo nhu cầu nhân sự, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển dụng phù hợp với chiến lược phát triển của tổ chức. Tiếp theo, học phần đi sâu vào quy trình tuyển dụng nhân lực, bao gồm các bước từ thu hút ứng viên, sàng lọc hồ sơ, đến phỏng vấn và đánh giá năng lực. Bên cạnh đó, học phần tập trung vào các hoạt động sau tuyển dụng, bao gồm quá trình hội nhập nhân viên mới, đánh giá hiệu suất trong thời gian thử việc, và các chiến lược giữ chân nhân tài. Sinh viên sẽ học cách xây dựng chương trình định hướng hiệu quả, thiết lập hệ thống đánh giá công bằng, và phát triển các chính sách nhân sự nhằm tạo động lực và giữ chân nhân viên tài năng.

***47. MAG7030, Quan hệ công chúng (3 tín chỉ)***

Học phần này giới thiệu những nguyên tắc cơ bản của Quan hệ công chúng (Public Relations - PR), giúp cho người học những hiểu biết nền tảng về PR mà từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn. Tập trung vào các nội dung lớn: Tầm quan trọng của PR trong tổ chức. Đạo đức trong PR; Tóm lược những lý thuyết cơ bản về PR và nghiên cứu PR; Quản lý PR: xác định các đối tượng trong PR làm cơ sở lập kế hoạch chiến lược, nhận diện và quản lý sự cố và khủng hoảng của doanh nghiệp, …; Phương thức thiết lập, duy trì và nâng tầm mối quan hệ với các nhóm công chúng: báo giới, nội bộ, cộng đồng, khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông, ...; Các công cụ cơ bản của PR và kỹ năng ứng dụng: viết tin - bài, trình bày và giao tiếp cá nhân, đánh giá tài trợ và tổ chức các sự kiện của doanh nghiệp, …thực thi công tác PR nói riêng và marketing nói chung một cách hiệu quả.

***48. PSE7004, Xã hội học đại cương (3 tín chỉ)***

Học phần Xã hội học đại cương là một môn học nền tảng, cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về ngành khoa học xã hội học. Môn học bắt đầu bằng việc giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, giúp sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời và quá trình phát triển của ngành học này. Tiếp theo, học phần đi sâu vào việc xác định đối tượng nghiên cứu của xã hội học, giúp sinh viên phân biệt được phạm vi nghiên cứu của xã hội học với các ngành khoa học xã hội khác. Một phần quan trọng của môn học là giới thiệu các phương pháp nghiên cứu xã hội học, đặc biệt là phương pháp điều tra xã hội học, trang bị cho sinh viên công cụ cần thiết để thực hiện các nghiên cứu thực tiễn. Học phần cũng đề cập đến một số lĩnh vực nghiên cứu cốt lõi của xã hội học như xã hội hóa, cơ cấu xã hội, và văn hóa xã hội, giúp sinh viên hiểu được các khía cạnh cơ bản của đời sống xã hội. Cuối cùng, môn học giới thiệu một số phân ngành xã hội học chuyên biệt như xã hội học giáo dục, xã hội học nông thôn - đô thị, mở rộng tầm nhìn của sinh viên về các lĩnh vực ứng dụng của xã hội học trong đời sống. Thông qua học phần này, sinh viên không chỉ nắm được kiến thức nền tảng mà còn phát triển tư duy phân tích xã hội, làm cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực khoa học xã hội.

***49. MAG7046, Luật lao động (3 tín chỉ)***

Học phần Luật lao động cung cấp cho sinh viên kiến thức toàn diện về các khía cạnh pháp lý trong quan hệ lao động và các vấn đề liên quan đến lĩnh vực lao động - xã hội. Nội dung học phần bao quát từ những khái niệm cơ bản đến các quy định chi tiết về hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể, giúp sinh viên hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động. Môn học cũng đề cập đến vai trò của công đoàn trong việc bảo vệ quyền lợi người lao động. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về các chế độ quan trọng như tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, cũng như các quy định về an toàn và vệ sinh lao động. Học phần còn đi sâu vào các vấn đề như kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất và chế độ bảo hiểm xã hội. Đặc biệt, môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về giải quyết tranh chấp lao động, đình công và các quy định pháp lý liên quan. Ngoài ra, sinh viên sẽ được học về các chính sách việc làm, đào tạo nghề và vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực lao động. Thông qua học phần này, sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức pháp luật lao động mà còn phát triển kỹ năng phân tích và giải quyết các tình huống thực tế trong quan hệ lao động, chuẩn bị cho họ khả năng ứng dụng hiệu quả trong công việc tương lai liên quan đến quản lý nhân sự và quan hệ lao động.

***50. MAG7087, Quản lý chi tiêu công (3 tín chỉ)***

Học phần Quản lý chi tiêu công thường tập trung vào việc nghiên cứu và áp dụng các nguyên tắc và phương pháp để quản lý và sử dụng tài nguyên tài chính của các tổ chức công cộng, như chính phủ và các cơ quan công quốc gia, địa phương.

Trong học phần này, sinh viên thường được giới thiệu với các khái niệm cơ bản của quản lý tài chính công, bao gồm cách thức thu thuế, quản lý ngân sách và tài chính công, và phân bổ nguồn lực tài chính cho các dịch vụ và chương trình công. Họ cũng có thể học về các phương pháp đánh giá và đo lường hiệu quả của các chính sách và chương trình chi tiêu công. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến việc nghiên cứu về các nguyên tắc và công cụ của quản lý ngân sách công, bao gồm cách thiết lập mục tiêu ngân sách, dự báo doanh thu và chi phí, và giám sát và đánh giá hiệu suất tài chính. Sinh viên cũng có thể được giáo dục về các khía cạnh pháp lý và đạo đức của quản lý tài chính công. Ngoài ra, học phần có thể tập trung vào các vấn đề đặc biệt trong quản lý chi tiêu công, như quản lý nợ công, kiểm soát chi tiêu không cân đối, và quản lý rủi ro tài chính. Sinh viên có thể được khuyến khích phân tích các chính sách và chiến lược tài chính công hiện có và đề xuất các cải tiến. Tóm lại, học phần Quản lý chi tiêu công cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về cách thức tổ chức công cộng quản lý và sử dụng tài nguyên tài chính của mình, từ đó giúp họ phát triển kỹ năng và hiểu biết cần thiết để đóng góp vào việc cải thiện hiệu quả và hiệu suất của các tổ chức công cộng.

***51. MAG7088, Thuế (3 tín chỉ)***

Học phần Thuế cung cấp cái nhìn tổng quan về hệ thống thuế hiện hành tại Việt Nam, bao gồm nguồn gốc, bản chất, đặc điểm và vai trò của thuế. Hệ thống các loại thuế đang được áp dụng tại Việt Nam cũng được giới thiệu chi tiết. Các nội dung chính bao gồm các loại thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, và thuế thu nhập cá nhân. Học phần này cũng hướng dẫn về các quy trình và thủ tục liên quan đến việc đăng ký, kê khai, tính toán, nộp và hoàn thuế. Qua đó, người học sẽ nắm bắt được cách thức hoạt động của hệ thống thuế Việt Nam, cũng như các quy định pháp lý liên quan đến từng loại thuế cụ thể. Những kiến thức này rất hữu ích cho việc hiểu rõ các nghĩa vụ thuế của cá nhân và doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định thuế của nhà nước. Học phần cũng giúp người học phát triển kỹ năng thực hành trong công tác thuế, từ việc chuẩn bị hồ sơ, kê khai thuế, tính thuế, nộp thuế cho đến hoàn thuế. Việc nắm vững các quy trình này không chỉ giúp đảm bảo tuân thủ pháp luật mà còn hỗ trợ việc quản lý tài chính hiệu quả trong doanh nghiệp. Thông qua học phần, người học sẽ có cái nhìn toàn diện về hệ thống thuế Việt

***52. MAG7028, Quản trị dự án (3 tín chỉ)***

Quản trị dự án là một lĩnh vực quan trọng trong quản lý doanh nghiệp, tập trung vào việc lãnh đạo, lập kế hoạch, thực hiện, và kiểm soát các hoạt động dự án để đạt được mục tiêu cụ thể. Học phần này giúp sinh viên hiểu rõ về cách xây dựng và quản lý dự án một cách hiệu quả, từ việc đặt ra mục tiêu, phân tích rủi ro, đến quản lý nguồn lực và tiến độ. Một trong những yếu tố chính là việc phân loại và xác định rõ ràng mục tiêu dự án. Sinh viên được hướng dẫn về cách thiết lập mục tiêu SMART (Specific, Measurable, Achievable, Relevant, Time-bound) để đảm bảo rằng mọi người tham gia đều hiểu và đồng thuận về hướng đi của dự án. Học phần cũng tập trung vào việc quản lý nguồn lực hiệu quả. Sinh viên học cách phân bổ và sử dụng nguồn lực như nhân sự, tài chính, và vật liệu một cách có hiệu suất, giúp tối ưu hóa kết quả dự án. Quản lý rủi ro là một khía cạnh quan trọng khác. Sinh viên được đào tạo để nhận diện và đánh giá rủi ro, đồng thời phát triển kế hoạch dự phòng và ứng phó. Cuối cùng, quản trị dự án không chỉ là về việc đạt được mục tiêu kỹ thuật, mà còn về việc xây dựng và duy trì mối quan hệ giữa các thành viên trong nhóm dự án. Điều này đòi hỏi kỹ năng giao tiếp mạnh mẽ và khả năng lãnh đạo để duy trì sự hòa thuận và đồng lòng trong toàn bộ quá trình dự án.

***53. MAG7089, Kiểm toán căn bản (3 tín chỉ)***

Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp cho sinh viên kiến thức toàn diện về lĩnh vực kiểm toán. Nội dung học phần bao gồm: giới thiệu tổng quan về kiểm toán, bao gồm lịch sử phát triển, bản chất, chức năng và các loại hình kiểm toán khác nhau; xác định đối tượng kiểm toán và phương pháp chọn mẫu, giúp sinh viên hiểu được cách thức lựa chọn và đánh giá các thông tin tài chính cần kiểm toán. Nội dung và phương pháp kiểm toán được trình bày chi tiết, bao gồm các khái niệm quan trọng như gian lận, sai sót, trọng yếu và rủi ro trong kiểm toán. Môn học cũng đề cập đến quy trình tổ chức công tác kiểm toán, từ khâu chuẩn bị đến thực hiện và kết thúc kiểm toán. Đặc biệt, sinh viên sẽ được học về các chuẩn mực kiểm toán được chấp nhận rộng rãi và cách xây dựng chuẩn mực kiểm toán. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu các tình huống thực tế trong kiểm toán và dịch vụ công, giúp sinh viên có cái nhìn thực tiễn về nghề nghiệp kiểm toán. Thông qua môn học này, sinh viên không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong thực hành kiểm toán.

***54. MAG7090, Thực tập 1 (3 tín chỉ)***

Học phần "*Thực tập 1*" mang tính chất thực tiễn cao, được thiết kế để người học có cơ hội ứng dụng những lý thuyết học được vào môi trường làm việc thực tế. Trong học phần này, người học sẽ tham gia thực tập tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, qua đó hiểu rõ hơn về quá trình hình thành, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của nơi mình thực tập, cũng như định hướng và phạm vi hoạt động của chúng. Qua quá trình thực tập, người học được khuyến khích chọn một vị trí cụ thể để tìm hiểu sâu hơn, mô tả chi tiết các nhiệm vụ và trách nhiệm, đồng thời áp dụng các kiến thức đã học để phân tích và đánh giá các vấn đề cụ thể liên quan đến việc thực hiện các hoạt động chuyên môn của người mà họ lựa chọn để quan sát tại cơ sở thực tập. Học phần này không chỉ giúp người học tích lũy kinh nghiệm thực tế mà còn củng cố kiến thức chuyên ngành. Nó tạo điều kiện để người học tự nhận thức về khả năng và định hình mục tiêu nghề nghiệp của bản thân, từ đó chuẩn bị tốt nhất cho sự nghiệp sau khi tốt nghiệp. Các hoạt động và kinh nghiệm thực tập sẽ được ghi chép cẩn thận trong nhật ký thực tập cá nhân và báo cáo tổng hợp, đảm bảo rằng có thể phản ánh một cách toàn diện về quá trình thực tập của cá nhân hoặc nhóm thực tập.

***55. MAG7091, Thực tập 2 (4 tín chỉ)***

Thực tập 2 là một học phần quan trọng của chương trình học, cung cấp cơ hội cho sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết đã học vào môi trường thực tế của doanh nghiệp. Trong giai đoạn này, sinh viên có cơ hội trải nghiệm và học hỏi từ công việc hàng ngày trong lĩnh vực chuyên ngành kinh tế. Thực tập 2 giúp sinh viên phát triển kỹ năng thực tế và nắm bắt sự chuyên sâu về ngành nghề mình quan tâm. Bằng cách này, họ có thể hình thành một cái nhìn tổng thể về cách công việc thực tế diễn ra, từ quản lý dự án đến tương tác với đồng nghiệp và khách hàng. Trong suốt thời gian thực tập, sinh viên được hướng dẫn và đánh giá bởi các chuyên gia ngành và giảng viên hướng dẫn. Điều này giúp sinh viên không chỉ củng cố kiến thức mà họ đã học mà còn phát triển kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Ngoài ra, thực tập 2 còn mở rộng cơ hội để xây dựng mạng lưới quan hệ trong ngành và có thể dẫn đến những cơ hội nghề nghiệp trong tương lai. Điều này là quan trọng đặc biệt khi sinh viên chuẩn bị bước vào thị trường lao động sau khi tốt nghiệp. Tổng quan, Thực tập 2 không chỉ là một phần quan trọng trong chương trình học mà còn là cơ hội để sinh viên phát triển mình và xây dựng nền tảng cho sự nghiệp sắp tới.

***56. MAG7092, Khoá luận (6 tín chỉ)***

Học phần “Khóa luận tốt nghiệp” được tổ chức vào năm học cuối khóa của sinh viên. Đây là học phần cuối cùng sinh viên cần phải tích lũy để hoàn thành chương trình học. Học phần nhằm mang đến cho sinh viên một cái nhìn chuyên sâu về một vấn đề kinh tế học mà sinh viên lựa chọn nghiên cứu (có thể thuộc một trong các hướng chuyên sâu: kinh tế và đầu tư; kinh tế và quản lý nguồn nhân lực; kinh tế và tài chính công). Từ việc lựa chọn vấn đề nghiên cứu, dưới sự hướng dẫn của giảng viên được phân công, sinh viên chủ động sáng tạo tìm hiểu, nghiên cứu về vấn đề đã đặt ra, viết đề cương và thông qua hội đồng. Qua sự tư vấn của hội đồng, sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên, thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể và viết bản khóa luận hoàn chỉnh. Kết quả của quá trình thực hiện khóa luận được thể hiện ở bản in khóa luận mà sinh viên nộp lại khoa và kết quả trình bày, bảo vệ của sinh viên trước hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp

***57. MAG7093, Kinh tế học bền vững (3 tín chỉ)***

Kinh tế học bền vững là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu và ứng dụng vào sự tương tác giữa kinh tế, môi trường và xã hội. Mục tiêu chính của kinh tế học bền vững là tạo ra mô hình phát triển kinh tế không chỉ đảm bảo tăng trưởng và sự thịnh vượng, mà còn bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng cuộc sống. Một khía cạnh quan trọng của học phần này là nghiên cứu về tác động của hoạt động kinh tế đến môi trường và làm thế nào môi trường ảnh hưởng đến kinh tế. Kinh tế học bền vững cũng mở rộng ra xem xét các khía cạnh xã hội và công bằng, đặt ra câu hỏi về cách phân phối công bằng lợi ích và gánh nặng của phát triển kinh tế.Chủ đề này không chỉ giới hạn trong lĩnh vực nghiên cứu mà còn đề cập đến thực tế và thách thức trong chính sách công cộng và doanh nghiệp. Việc áp dụng nguyên lý của kinh tế học bền vững đang trở thành một mục tiêu quan trọng, không chỉ để đảm bảo sự bền vững môi trường mà còn để tạo ra giá trị cho cộng đồng và đảm bảo phát triển lâu dài. Kinh tế học bền vững không chỉ là một lĩnh vực nghiên cứu, mà còn là một nguồn động viên quan trọng để hình thành chiến lược và hành động cho một tương lai bền vững hơn.

***58. MAG7094, Phân tích chi phí - lợi ích (3 tín chỉ)***

Học phần "Phân tích chi phí - lợi ích" là một phần quan trọng trong lĩnh vực quản lý doanh nghiệp và tài chính. Nó tập trung vào việc đánh giá các quyết định kinh doanh bằng cách so sánh chi phí và lợi ích của chúng. Trong quá trình học, sinh viên sẽ hiểu về các khái niệm cơ bản như chi phí cố định, chi phí biến động, lợi ích, và cách tính toán chúng. Họ cũng được giới thiệu với các phương pháp phân tích như Phân tích điểm hòa vốn (Break-even analysis), Phân tích chi phí - lợi ích (Cost-Benefit Analysis), và Phân tích chi phí giảm thiểu (Cost Reduction Analysis). Một phần quan trọng của học phần này là cách áp dụng các phương pháp phân tích vào thực tế kinh doanh. Sinh viên sẽ được yêu cầu thực hiện các dự án hoặc nghiên cứu thực tế, sau đó áp dụng phân tích chi phí - lợi ích để đánh giá tính khả thi và hiệu quả của các quyết định kinh doanh. Ngoài ra, học phần cũng thường xuyên đề cập đến các vấn đề liên quan đến bền vững và xã hội hóa. Sinh viên sẽ được khuyến khích suy nghĩ về tác động của các quyết định kinh doanh không chỉ đối với lợi ích tài chính mà còn đến môi trường và cộng đồng xã hội. Cuối cùng, học phần thường kết thúc bằng việc tổng kết và đánh giá về những gì học được và khả năng áp dụng kiến thức vào thực tế. Điều này giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích và ra quyết định thông minh trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh.

**3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **CĐR về KT (KT)** | **CĐR về kĩ năng (KN)** | **CĐR về phẩm chất (PC)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** |
|  |
|  |  | **Khối kiến thức chung** |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| 1 | FOS7001 | Triết học Mác – Lê nin | 3 | 3 | 2 | 1 | 1 | 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 3 | 1 |   |   | 1 |   |   |   |   |   |   | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 |  |
| 2 | FOS7002 | Kinh tế chính trị Mác – Lê nin | 3 | 3 | 2 | 1 | 1 | 1 |   |   |   |   | 1 | 1 |   |   | 1 |   |   |   |   | 3 | 2 | 1 | 2 | 1 |   |   |   |   |   |   | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 |  |
| 3 | FOS7003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 3 | 3 | 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 |  |
| 4 | FOS7004 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 3 | 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 | 3 | 3 |  |
| 5 | FOS7005 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | 3 | 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 | 3 | 3 |  |
| 6 | FLA7001 | Tiếng Anh 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 3 |   | 3 | 3 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| 7 | FLA7002 | Tiếng Anh 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 3 |   | 3 | 3 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| 8 | MAG7001 | Pháp luật đại cương | 3 |   |   | 2 |   |   |   |   |   |   | 2 |   |   |   | 2 | 2 |   |   |   | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |   |   | 3 | 1 | 2 | 2 | 1 | 1 | 3 | 3 | 3 |  |
| 9 | ITC7001 | Tin học cơ sở |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 3 | 1 | 1 | 1 | 3 | 1 |   |   |   |   |  |
|   |   | **Khối kiến thức theo lĩnh vực** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|   |   | ***Các học phần bắt buộc*** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| 10 | MAG7002 | Thống kê trong KHXH |   |   | 3 |   |   |   |   |   |   |   | 2 |   |   |   | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| 11 | PSE7001 | Phương pháp nghiên cứu khoa học |   | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 3 | 3 | 3 |   |   |   | 2 | 3 | 3 |   | 2 |   |   | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 1 | 1 | 1 |  |
|   |   | ***Các học phần tự chọn*** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| 12 | MAG7063 | Lịch sử kinh tế quốc dân |   |   | 1 | 3 |   | 3 |   |   |   |   | 2 | 2 |   |   | 2 | 2 | 1 |   |   | 2 | 3 | 2 | 2 |   |   |   |   |   |   |   | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 | 2 |  |
| 13 | PSE7005 | Tâm lý học quản lý |   |   |   |   | 3 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 | 3 |   |   |   |   | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| 14 | MAG7064 | Kinh tế học giáo dục |   |   | 2 | 2 | 2 | 2 |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |   |   | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |   |   |   |   | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
|   |   | **Khối kiến thức ngành** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|   |   | ***Kiến thức cơ sở ngành*** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|   |   | ***Các học phần bắt buộc*** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| 15 | ITC7004 | Toán cho các nhà kinh tế |   |   | 3 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 3 | 3 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| 16 | MAG7065 | Pháp luật kinh tế | 3 | 2 |   | 2 | 2 | 2 |   |   |   |   | 3 |   |   |   | 2 | 2 | 2 |   |   | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |   |   | 3 | 1 | 2 | 2 | 1 | 1 | 3 | 3 | 3 |  |
| 17 | MAG7066 | Nguyên lý thống kê kinh tế |   |   | 3  | 2  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 | 2 | 3 | 2 | 2 | 2 |   |   | 2 | 2 |   |   |   | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |   |   |  2 |   |  |
| 18 | MAG7013 | Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội | 3 | 3 |   | 3 | 3 | 3 |   |   |   |   | 1 | 1 |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 | 2 | 2 |   |   |   | 2 |   |   |   | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| 19 | MAG7010 | Nguyên lý kế toán |  1 |  1 | 1 |  3 | 1 |  1 |  1 |  1 |  2 |  2 |  2 | 2 |   |   | 3 | 2 |  2 | 2 |  1 |  1 | 3 |  3 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  2 |   |  1 |   |  2 |  1 |  1 | 1 |  3 |  |
| 20 | MAG7003 | Quản trị học | 1 | 3 |   |   | 2 |   |   |   |   |   | 2 | 2 |   |   | 2 | 2 |   |   |   | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 |   |   | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 |  |
| 21 | MAG7067 | Lý thuyết tài chính tiền tệ |  1 |  1 | 1 |  3 | 1 |  1 |  1 |  1 |  2 |  2 |  1 |  1 |   |   |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  2 |   |  1 |   |  2 |   |   |   |   |  |
|   |   | ***Các học phần tự chọn*** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| 22 | MAG7068 | Văn hóa kinh doanh |  2 |  1 |  1 |  2 |  1 |  1 |  1 |  2 | 2 |  2 |  1 | 2 |   |   | 1 |   |   | 1 | 2 |  3 |  2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 |   |   |  3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  3 |  3 |  |
| 23 | MAG7069 | Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh |  2 |  2 |  1 |  1 |  2 |   |  1 |  1 |   |  2 |  1 |  3 |   |   | 2 |   |   | 2 |  2 |  3 | 2 |  2 |  3 |  3 |  3 |  3 |  3 |  3 |   |   |  2 | 1 | 2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  |
| 24 | MAG7070 | Lịch sử học thuyết kinh tế  | 1  |  1 | 2  |  2 | 3  |  1 |  1 | 2  | 2  |  1 |   |   |   |   | 2  |   |   |  2 |  1 | 3  |  2 |  2 | 2  | 1  | 1  |  2 |   |  1 |  1 |   | 3  |  1 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 | 2  |  |
|   |   | **Khối kiến thức ngành** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|   |   | ***Các học phần bắt buộc*** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| 25 | MAG7071 | Kinh tế quốc tế |   |   |   | 3 |   |   |   | 2 | 2 |   |  1 | 2 |   |   |   | 3 |   | 3 | 2 | 3 | 3 | 1 | 3 |   | 2 | 2 | 2 |   |   |   | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  2 | 2 |  |
| 26 | MAG7072 | Kinh tế vĩ mô 1 |   |  2 |  3 |  3 |  3 |  2 |   |   |  1 |  1 |  2 |  3 |   |   |  3 |   |  2 |  3 |  2 |  3 |  2 |  3 |  2 |  3 |  2 |  2 |  2 |   |   |   |  3 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  |
| 27 | MAG7073 | Kinh tế vi mô 1 |   |   |   | 3 |   |   |   | 2 | 2 |   |  1 | 2 |   |   |   | 3 |   | 3 | 2 | 3 | 3 | 1 | 3 |   | 2 | 2 | 2 |   |   |   | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  2 | 2 |  |
| 28 | MAG7074 | Kinh tế vĩ mô 2 |   |  2 |  3 |  3 |  3 |  2 |   |   |  1 |  1 |  2 |  3 |   |   |  3 |   |  2 |  3 |  2 |  3 |  2 |  3 |  2 |  3 |  2 |  2 |  2 |   |   |   |  3 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  |
| 29 | MAG7075 | Kinh tế vi mô 2 |   |   |   | 3 |   |   |   | 2 | 2 |   |  1 | 2 |   |   |   | 3 |   | 3 | 2 | 3 | 3 | 1 | 3 |   | 2 | 2 | 2 |   |   |   | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  2 | 2 |  |
| 30 | MAG7020 | Quản trị nhân lực |   |  2 | 3  |   | 3  |   |   | 3 | 2 | 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 |   |   |   |   | 3  | 2 |   |   |   | 2  | 2 |  2 | 2 | 2 | 2 |  2 | 2 | 2 |  |
| 31 | MAG7076 | Kinh tế học công cộng |  2 |  2 |  2 | 2  |   | 2  | 1  |  1 |  1 |  1 |   |   |   |   |  2 |   |   | 2  |   |  3 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |   |  2 |  1 |   |  3 |  2 | 2  | 2  |  2 |  2 |  3 |  2 |  2 |  |
| 32 | MAG7005 | Khoa học dự báo |   | 2 |   |   |   |   |   |   |   |   | 3 | 3 |   |   | 3 | 2 |   | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 3 |   |   |   | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| 33 | MAG7077 | Kinh tế lượng | 1  |  1 |  2 |  3 |   |   |  1 |  1 |  1 | 1  |  2 |  2 |   |   | 1 |   | 2  |  3 |  3 | 2  |  2 |  2 | 2  |  1 |  1 |  1 | 3 |   |   |  2 |  3 |  2 |  2 | 3  |  2 |  1 |  3 |  2 |  2 |  |
| 34 | MAG7078 | Kinh tế đầu tư | 1 | 2 |  3 |  3 |   |   |  1 |  2 | 2  |  2 | 3 |  2 |   |   | 1  | 2  | 2  |  2 |  2 | 3  |  2 |  2 | 2  |  1 |  1 |  1 | 3  |   |   |  2 |  3 |  2 |  2 | 3  |  2 |  1 |  3 |  2 |  2 |  |
| 35 | MAG7079 | Tài chính công |  1 |  1 | 1 |  3 | 1 |  1 |  1 |  1 |  2 |  2 |  2 | 2 |   |   | 3 | 2 |  2 | 2 |  1 |  1 | 3 |  3 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  2 |   |  1 |   |  2 |  1 |  1 | 1 |  3 |  |
| 36 | FLA7003 | Tiếng anh chuyên ngành kinh tế |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 3 |   | 3 | 3 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| 37 | MAG7080 | Kinh tế phát triển | 1  |  1 | 2  |  2 | 3  |  1 |  1 | 2  | 2  |  1 |   |   |   |   | 2  |   |   |  2 |  1 | 3  |  2 |  2 | 2  | 1  | 1  |  2 |   |  1 |  1 |   | 3  |  1 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 | 2  |  |
| 38 | MAG7009 | Marketing căn bản |   |   |   | 3 |   |   |   | 2 | 2 |   |  1 | 2 |   |   |   | 3 |   | 3 | 2 | 3 | 3 | 1 | 3 |   | 2 | 2 | 2 |   |   |   | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  2 | 2 |  |
| 39 | MAG7081 | Quản trị chiến lược | 1 | 3 |   |   | 2 |   |   |   |   |   | 2 | 2 |   |   | 2 | 2 |   |   |   | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 |   |   | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 |  |
|   |   | **Các học phần tự chọn** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| 40 | MAG7082 | Thị trường chứng khoán |   |   |   | 3  |   | 3  | 2 | 2  |   |   | 3  | 3 |   |   |   | 3  |   |   | 2  | 3  | 3  | 3  |   |   | 3  |   |   |   |   |   |  3 | 3  | 3  | 3  | 3  | 3  |  2 | 3  | 1  |  |
| 41 | MAG7083 | Thương mại điện tử |   |   |   | 3 |   |   |   | 2 | 2 |   |  1 | 2 |   |   |   | 3 |   | 3 | 2 | 3 | 3 | 1 | 3 |   | 2 | 2 | 2 |   |   |   | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  2 | 2 |  |
| 42 | MAG7084 | Khởi sự kinh doanh |  2 |  1 |  1 |  2 |  1 |  1 |  1 |  2 |  2 |  2 |  1 |  2 |   |   |  1 |   |   |  1 | 2  | 2  |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  1 |   |   |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  |
| 43 | MAG7085 | Marketing giáo dục |   |   | 2 | 2 | 1 | 1 |   |   |   |   |   | 3 |   |   | 2 |   | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 |   |   |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 | 2 |  |
| 44 | MAG7086 | Tuyển dụng nhân lực |   |   | 1 |   | 3 |   |   |   |   |   |   |   | 3 | 3 |   |   |  2 |   |  1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  1 | 3 | 3 | 3 |   | 2 |  2 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 |  |
| 45 | MAG7030 | Quan hệ công chúng |   |   |   | 3 |   |   |   | 2 | 2 |   |  1 | 2 |   |   |   | 3 |   | 3 | 2 | 3 | 3 | 1 | 3 |   | 2 | 2 | 2 |   |   |   | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  2 | 2 |  |
| 46 | PSE7004 | Xã hội học đại cương |   |   | 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 |   |   | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |   |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| 47 | MAG7046 | Luật lao động | 3 |   |   |   | 3 |   |   |   |   |   |   |   | 3 | 3 |   |   |   |   |   |   |   | 2 | 2 |   |   |   |   |   |   |   | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 |  |
| 48 | MAG7087 | Quản lý chi tiêu công |  1 |  1 | 1 |  3 | 1 |  1 |  1 |  1 |  2 |  2 |  2 | 2 |   |   | 3 | 2 |  2 | 2 |  1 |  1 | 3 |  3 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  2 |   |  1 |   |  2 |  1 |  1 | 1 |  3 |  |
| 49 | MAG7088 | Thuế |  1 |  1 | 1 |  3 | 1 |  1 |  1 |  1 |  2 |  2 |  2 | 2 |   |   | 3 | 2 |  2 | 2 |  1 |  1 | 3 |  3 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  1 |  2 |   |  1 |   |  2 |  1 |  1 | 1 |   |  |
| 50 | MAG7028 | Quản trị dự án |  1 | 2  | 3 | 1 | 2 |  2 | 2 |   |   |   |   |   |   |   |  2 |  2 | 2 |   |   |  2 | 2 | 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 |   |  |
| 51 | MAG7089 | Kiểm toán căn bản | 2 |   | 2 |   |   | 3 |   |   |   |   |   |   |   |   | 3 | 3 |   |   |   |   | 3 |   | 2 |   | 2 | 2 |   |   |   |   | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 |  |
|   |  | **Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| 52 | MAG7090 | Thực tập 1 |   |   |   |   |   |   |  3 |  3 |  3 | 3  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  2 | 2  | 2 | 3  | 3  | 2  | 3  | 3  | 3  |   |   |  3 | 3  | 3  | 3  | 2  | 3  | 3  | 3  | 3  |  |
| 53 | MAG7091 | Thực tập 2 |   |   |   |   |   |   |  3 |  3 |  3 | 3  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  2 | 2  | 2 | 3  | 3  | 2  | 3  | 3  | 3  |   |   |  3 | 3  | 3  | 3  | 2  | 3  | 3  | 3  | 3  |  |
|   |   | ***Khoá luận tốt nghiệp*** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| 54 | E MAG709235 | Khóa luận  | 1  | 1  |  3 |  2 |  2 | 2  |  3 |  3 | 3  |  3 |  2 | 2  |   |   | 2  |  2 |  2 | 3  |  3 | 3  |  3 |  3 | 3  |  3 |  3 |  1 |  2 | 2  | 1 |  2 |  3 |  3 |  3 | 3  |  3 | 3  | 2  | 2  |  3 |  |
|   |   | ***Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp*** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| 55 | MAG7093 | Kinh tế học bền vững |  1 | 2 |  2 | 1 |  2 |  2 |  2 |  2 | 1 |  1 |  2 | 2 |   |   | 3 | 2 |  2 | 2 |  1 |  1 | 3 |  3 | 3 |  3 |  3 |  3 |  3 | 3 | 3 |  3 | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  2 | 2 |  |
| 56 | MAG7094 | Phân tích lợi ích – chi phí |   |   | 2  |  3 |   |  2 | 1  |  2 |  2 |  1 |  2 |   |   |   |   | 2  |   | 2  |  2 | 2  |  1 |  1 |  2 |  2 |  2 | 2  | 1  |  2 |   |  2 |  3 |  2 |  2 |  2 |  2 |  2 | 2  | 2  | 2  |  |

**Ghi chú:** Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được qui ước như sau:

1 = đóng góp mức thấp

2 = đóng góp mức trung bình

3 = đóng góp mức cao

Để trống = không đóng góp.

**3.5. Tiến trình tổ chức đào tạo**

| **TT** | **Mã HP** | **Học phần** | **Số tín chỉ** | **Tiến trình thực hiện theo học kỳ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kỳ** **1** | **Kỳ** **2** | **Kỳ** **3** | **Kỳ** **4** | **Kỳ** **5** | **Kỳ** **6** | **Kỳ** **7** | **Kỳ** **8** |
| **I** |  | **Phần kiến thức chung***(Không tính các học phầnGDTC, ANQP)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | FOS7001 | Triết học Mác – Lê nin*Marxist-Leninist philosophy* | 3 |  | 3  |  |  |  |  |  |  |
|  | FOS7002 | Kinh tế chính trị Mác – Lê nin*Marxist-Leninist political economy* | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
|  | FOS7003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học*Science socialism* | 2 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
|  | FOS7004 | Tư tưởng Hồ Chí Minh*Ho Chi Minh Ideology* | 2 |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
|  | FOS7005 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*History of the Communist Party of Vietnam* | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
|  | FLA7001 | Tiếng Anh 1*General English 1* | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
|  | FLA7002 | Tiếng Anh 2*General English 2* | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
|  | MAG7001 | Pháp luật đại cương*Fundamental Laws* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ITC7001 | Tin học cơ sở*Basic Informatics* | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| **II** |   | **Khối kiến thức theo lĩnh vực** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II.1*** |  | ***Các học phần bắt buộc*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | MAG7002 | Thống kê trong khoa học xã hội*Statistics in Social Science* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | PSE7001 | Phương pháp nghiên cứu khoa học*Research Methodology* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II.2*** |  | ***Các học phần tự chọn*** |  | *3* |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | MAG7063 | Lịch sử kinh tế quốc dân*History of National Economies* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | PSE7005 | Tâm lý học quản lý*Psychology of Management* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  14 | MAG7064 | Kinh tế học giáo dục*Economics of Education* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** |  | **Khối kiến thức của nhóm ngành**  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *III.1* |   | *Các học phần bắt buộc* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ITC7004 | Toán cho các nhà kinh tế*Mathematics for economists* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7065 | Pháp luật kinh tế*Economic law* | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7066 | Nguyên lý thống kê kinh tế*Theory of economic statistics* | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7013 | Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội*State management in Social Economic* | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7010 | Nguyên lý kế toán*Principles of Accounting* | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
|  | MAG7003 | Quản trị học*Management* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7067 | Lý thuyết tài chính tiền tệ*Monetary and Financial Theories* | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| *III.2* |  | *Các học phần tự chọn* |  |  |  | *6* |  |  |  |  |  |
|  | MAG7068 | Văn hóa kinh doanh*Business culture* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7069 | Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh*Negotiation skills in business* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7070 | Lịch sử học thuyết kinh tế *History of Economic Theory* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** |  | **Khối kiến thức ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *IV.1* |   | *Các học phần bắt buộc* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7071 | Kinh tế quốc tế*International Economics* | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
|  | MAG7072 | Kinh tế vĩ mô 1*Macroeconomics 1* | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
|  | MAG7073 | Kinh tế vi mô 1*Microeconomics 1* | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
|  | MAG7074 | Kinh tế vĩ mô 2*Macroeconomics2* | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
|  | MAG7075 | Kinh tế vi mô 2*Microeconomics 2* | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
|  | MAG7020 | Quản trị nhân lực*Human Resource Management* | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
|  | MAG7076 | Kinh tế học công cộng*Public economics* | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
|  | MAG7005 | Khoa học dự báo*Science of Forecast* | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
|  | MAG7077 | Kinh tế lượng*Econometrics* | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
|  | MAG7078 | Kinh tế đầu tư*Investment economics* | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
|  | MAG7079 | Tài chính công*Public Finance* | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
|  | FLA7003 | Tiếng anh chuyên ngành kinh tế*Business English* | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
|  | MAG7080 | Kinh tế phát triển*Development Economics* | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
|  | MAG709 | Marketing căn bản*Principles of Marketing* | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
|  | MAG7081 | Quản trị chiến lược*Strategic management* | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| *IV.2* |   | *Các học phần tự chọn* |  |  |  |  |  |  |  | 12 |  |
|  | MAG7082 | Thị trường chứng khoán*Stock market* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7083 | Thương mại điện tử*Ecommerce* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7084 | Khởi sự kinh doanh*Bussiness startup* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7085 | Marketing giáo dục*Educational Marketing* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7086 | Tuyển dụng nhân lực*Human Resource Recruitment* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7030 | Quan hệ công chúng*Publics Relations* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | PSE7004 | *Xã hội học đại cương**Sociology* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7046 | Luật lao động*The Labor Code* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7087 | Quản lý chi tiêu công*Public Expenditure Management* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7088 | Thuế*Taxation* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7028 | Quản trị dự án*Project management* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | MAG7089 | Kiểm toán căn bản*Fundamentals of Auditing* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** |  | **Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *V.1* |  | *Thực tập*  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 45 | MAG7090 | Thực tập 1*Practicum 1* | *3* |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| 46 | MAG7091 | Thực tập 2*Practicum 2* | *4* |  |  |  |  |  |  |  | 4 |
| *V.2* |  | *Tốt nghiệp* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 47 | MAG7092 | Khóa luận *Graduation Research paper* | **6** |  |  |  |  |  |  |  | 6 |
|  |  | *Các học phần thay thế* |  |  |  |  |  |  |  |  | 6 |
| 48 | MAG7093 | Kinh tế học bền vững*Sustainable economics* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 49 | MAG7094 | Phân tích lợi ích – chi phí*Cost-Benefit Analysis* | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** | **129** | **21** | **15** | **17** | **17** | **17** | **17** | **15** | **10** |